



HUNG YEN DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HƯNG YÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

ĐỀ ÁN: TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

*(Chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu
cấp tỉnh kết quả xây dựng đề án ngày 27/11/2020)*

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên
Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt

HƯNG YÊN – 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

ĐỀ ÁN:

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

(Chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 27/11/2020)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Quân

Lê Kinh Hải

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐỀ ÁN.....	5
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	7
1. Căn cứ thực tiễn và sự cần thiết	7
2. Căn cứ pháp lý.....	9
3. Mục tiêu	10
4. Nội dung thực hiện	11
5. Phương án thực hiện	11
PHẦN II. THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ	12
I. Hoạt động khảo sát, thu thập số liệu:	12
II. Hoạt động xây dựng Chuyên đề	14
1. Chuyên đề tình hình hoạt động SHTT trên thế giới.....	14
2. Chuyên đề về hoạt động SHTT ở Việt Nam.....	24
3. Chuyên đề hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	45
PHẦN IV. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP.....	58
I. Mục tiêu.....	58
II. Giải pháp.....	58
PHẦN V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ.....	64
1. Kết luận.....	64
2. Kiến nghị.....	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
KH&CN	Khoa học và công nghệ
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SHCN	Sở hữu công nghiệp
GDĐT	Giáo dục đào tạo
KHĐT	Kế hoạch & đầu tư
UBND	Ủy ban nhân dân
BHGCT	Bảo hộ giống cây trồng
QTG&QLQ	Quyền tác giả và quyền liên quan
QLTT	Quản lý thị trường
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
HTX	Hợp tác xã
GDP	Tổng sản phẩm nội địa/Tổng sản phẩm quốc nội
TSTT	Tài sản trí tuệ

THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐỀ ÁN

1	Tên Đề án: Triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	1a. Mã số của Đề án: (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)
2	Loại Đề án <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số: <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác	
3	Thời gian thực hiện: 06 tháng (từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2020)	4 Cấp quản lý Tỉnh <input checked="" type="checkbox"/>
4	Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: 332,300 triệu đồng: Trong đó: - Từ ngân sách Trung ương : 0 triệu đồng - Từ ngân sách địa phương : 332,300 triệu đồng - Kinh phí đối ứng : 0 triệu đồng	
5	Đề nghị phương thức khoán chi: <input checked="" type="checkbox"/> Khoán đến nội dung cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán: triệu đồng - Kinh phí không khoán: triệu đồng
6	Chủ nhiệm Đề án: Họ và tên: Đỗ Văn Quân Ngày, tháng, năm sinh: 10/09/1976 Nam/ Nữ: Nam Học hàm, học vị: Tiến sỹ Khoa học xã hội Chức danh khoa học: Nghiên cứu viên chính Chức vụ: Trưởng nhóm cố vấn Điện thoại của tổ chức: 024.85873939 Mobile: 0945018667 E-mail: info@ipaspro.com Tên tổ chức đang công tác: Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt Địa chỉ tổ chức: Số 4 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	

7 Thư ký khoa học:

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Tuấn

Ngày, tháng, năm sinh: 04/09/1986

Nam/ Nữ: Nam

Học hàm, học vị: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ: Trưởng ban Thương hiệu

Điện thoại của tổ chức: 024. 85873939

Tên tổ chức đang công tác: Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt

Địa chỉ tổ chức: Số 4 Ngô Quyền, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

8 Tổ chức chủ trì thực hiện:

Tên tổ chức chủ trì thực hiện: Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt

Điện thoại: 024. 8587 3939

E-mail: info@ipaspro.com

Website: www.ipaspro.com

Địa chỉ: Số 4 Ngô Quyền, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Ông Lê Kinh Hải

Tài khoản số: 3751.0.9086568.0000

Tại Kho bạc Nhà nước quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Cơ quan chủ quản Đề án: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Căn cứ thực tiễn và sự cần thiết

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra nhanh chóng, tăng trưởng kinh tế của các quốc gia được thúc đẩy chủ yếu bởi tiến bộ công nghệ dựa trên trí thức. Tiến bộ này chỉ có thể đạt được thông qua một hệ thống đổi mới quốc gia trong đó hệ thống sở hữu trí tuệ hiện đại, được vận hành và thực thi có hiệu quả được coi là một trong những yếu tố quan trọng. Mặc dù còn có những quan điểm khác nhau nhưng hầu hết các quốc gia đều thừa nhận rằng một cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ phù hợp và hiệu quả, bảo đảm cân bằng lợi ích giữa các chủ thể sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống sở hữu trí tuệ, với cơ chế bảo hộ độc quyền và chống cạnh tranh lành mạnh, là động lực thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và phổ biến sản phẩm sáng tạo, qua đó làm giàu tài sản trí tuệ - một nguồn tài nguyên tạo nên nội lực quốc gia phục vụ trực tiếp cho sự phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, trong thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đã được triển khai thực hiện và đạt được những thành quả nhất định. Mô hình tăng trưởng từng bước được chuyển đổi theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu; năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này về cơ bản vẫn còn chậm, chủ yếu vẫn dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ, trong khi đó năng suất lao động chưa cao, việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là hoạt động đổi mới sáng tạo của Việt Nam còn thiếu hiệu quả và chưa đóng góp nhiều cho tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh đó, việc đưa hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia tới một bước phát triển mới, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và độ tin cậy cao là rất cần thiết nhằm góp phần khuyến khích hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo cũng như chuyển giao công nghệ, trí thức, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh.

Năm 1997, Hưng Yên được tách ra từ tỉnh Hải Hưng. Qua 20 năm xây dựng và phát triển, tỉnh Hưng Yên đã đạt được những thành tựu to lớn và bền vững trong nhiều lĩnh vực. Tính đến tháng 06 năm 2020, Hưng Yên có 58 làng nghề hoạt động ở các lĩnh vực và mức độ khác nhau, gần 11.000 (mười một nghìn) doanh nghiệp với khoảng 8.000 (tám nghìn) hộ kinh doanh cá thể.

Thực hiện đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước, thời gian qua, hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh Hưng Yên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hội làng nghề đã tiến hành đăng ký xác lập bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ. Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Khoa học và Công nghệ hàng năm với một số dự án, nhiệm vụ về tuyên truyền, hỗ trợ xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm nổi tiếng, đặc thù của tỉnh. Tỉnh cũng giao cho các ban ngành chức năng và các đơn vị có năng lực tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các đối tượng liên quan. Qua đó góp phần

nâng cao sức cạnh tranh của một số sản phẩm được bảo hộ, nhận thức của cán bộ, công chức, nhân dân, các doanh nghiệp trong tỉnh về sở hữu trí tuệ được nâng lên. Một số thương hiệu của tỉnh Hưng Yên đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ và đang trong quá trình khai thác sử dụng tốt như chỉ dẫn địa lý nhãn lồng Hưng Yên, nhãn hiệu chứng nhận vải trướng Hưng Yên, cam Hưng Yên, long nhãn Hưng Yên, nhãn hiệu tập thể hoa Xuân Quan...

Tuy vậy, hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Các hoạt động đăng ký, xác lập bảo hộ quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, trong tỉnh vẫn còn thấp, chưa tương xứng với nhu cầu tiềm năng thực tế, hoạt động khai thác tài sản trí tuệ trên địa bàn vẫn còn mang tính tự phát. Tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang diễn ra có chiều hướng gia tăng. Sự phối kết hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế.

Tỉnh Hưng Yên đã ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2017-2020, tập trung đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ; Bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù mang tên địa danh của địa phương; triển khai các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hoạt động trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; Tổ chức trưng bày, triển lãm, lắp đặt các biển quảng cáo tầm lớn ngoài trời để giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ xây dựng hệ thống mã số, mã vạch giúp quản lý, truy xuất nguồn gốc nâng cao uy tín và giá trị cho sản phẩm.

Trong giai đoạn nền kinh tế đang chuyển đổi về cơ cấu và mô hình tăng trưởng theo hướng coi năng suất, chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu và phát triển kinh tế tri thức, hoạt động sở hữu trí tuệ đã thu được những thành tựu quan trọng: đã xây dựng một hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ về cơ bản phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; đã thiết lập một mạng lưới các cơ quan - tổ chức có chức năng thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ; hoạt động sáng tạo, khai thác và phát triển các loại tài sản trí tuệ đã thu hút sự tham gia của đông đảo các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; sở hữu trí tuệ đã và đang nhận được sự quan tâm ngày càng cao của xã hội.

Tuy nhiên, sở hữu trí tuệ của Việt Nam nói chung, tỉnh Hưng Yên nói riêng chưa thực sự là động lực cho sự phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, số lượng đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng mới, quyền tác giả của người Việt Nam chưa nhiều, chưa có những sáng chế có tính đột phá, nhận thức của xã hội về vai trò là công cụ phát triển kinh tế của sở hữu trí tuệ còn nhiều hạn chế, việc thương mại hóa các tài sản trí tuệ chưa được quan tâm và đẩy mạnh; chưa có nhiều doanh nghiệp chủ động đầu tư xây dựng được các thương hiệu mạnh,...đây cũng là hạn chế của tỉnh Hưng Yên hiện nay.

Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, một chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia bao gồm tập hợp các nhiệm vụ, giải pháp được chính phủ xây dựng và thực

thi. Các biện pháp này được đặt ra ở cấp độ quốc gia nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho việc tạo lập, bảo hộ, phát triển và quản lý và tài sản trí tuệ một cách hiệu quả. Mục tiêu của chiến lược là phát huy vai trò quan trọng của sở hữu trí tuệ đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa sở hữu trí tuệ với các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, các ưu tiên phát triển và nguồn lực của quốc gia.

Chính vì vậy, Việt Nam nói chung, tỉnh Hưng Yên nói riêng cần xây dựng một Chiến lược sở hữu trí tuệ làm định hướng phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ phù hợp với các mục tiêu kinh tế - xã hội của quốc gia, của địa phương từ đó đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược nhằm phát huy một cách tốt nhất vai trò của sở hữu trí tuệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đổi mới sáng tạo nói riêng.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;
- Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;
- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền sở hữu công nghiệp;
- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng;
- Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP;
- Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP;
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03 năm 2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan;
- Quyết định số 490/QĐ-CP năm 2018 Phê duyệt Chương trình mỗi xã phường một sản phẩm OCOP;
- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển TSTT giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược SHTT đến năm 2030.

- Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 27/6/2016 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng 2030;

- Nghị quyết số 295/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 2260/QĐ-UBND, ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt chiến lược phát triển khoa học Công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2025;

- Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định, định mức, xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 817/2019/QĐ-UBND ngày 26/03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 1094/2020/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch khoa học công nghệ năm 2020;

- Quyết định số 2933/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Mục tiêu

- Đề án là phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá thực trạng hệ thống hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh Hưng Yên đặt trong môi trường quan với khu vực và trong nước, trên cơ sở đó xác định mục tiêu cần đạt được của hệ thống sở hữu trí tuệ trong mười năm tới, từ đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai thực hiện

- Hướng tới mục tiêu Hưng Yên trở thành địa phương phát triển dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, được bảo đảm bởi hệ thống sở hữu trí tuệ hiệu quả, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Là tiền đề để các sở ngành liên quan thực hiện các Chương trình, kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ.

4. Nội dung thực hiện

4.1. Hoạt động thu thập thông tin và xử lý số liệu:

- Thực hiện thu thập thực địa Thực hiện các cuộc khảo sát, ghi nhận thông tin nhỏ tại các huyện, thị xã, thành phố, sở, ban, ngành điển hình và có liên quan chặt tới lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phần mềm tổng hợp và phân tích kết quả điều tra.

- Nhập trường và xử lý số liệu:

4.2 Hoạt động nghiên cứu xây dựng các báo cáo chuyên đề

- Nghiên cứu, xây dựng báo cáo nghiên cứu đánh giá kinh nghiệm về tổ chức hệ thống sở hữu trí tuệ trên thế giới

- Nghiên cứu, xây dựng báo cáo đánh giá tổng quan về thực trạng hoạt động sở hữu trí tuệ tại Việt Nam;

- Nghiên cứu, xây dựng báo cáo nghiên cứu đánh giá tổng quan về thực trạng hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

4.3. Xây dựng dự thảo Đề án

- Sau khi thực hiện hoàn tất các hoạt động về thu thập thông tin và tổ chức hội thảo lấy ý kiến, nghiên cứu báo cáo chuyên đề, các kết quả thu được sẽ phục vụ cho việc xây dựng đề án chiến lược sở hữu trí tuệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.

5. Phương án thực hiện

5.1. Phương án tổ chức

- Cơ quan quản lý Đề án: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên;

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt;

- Đơn vị phối hợp: Trong quá trình thực hiện Đề án, cơ quan chủ trì đã phối hợp cùng các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan ở Trung ương và địa phương phối hợp tham gia hỗ trợ các nội dung trong khuôn khổ của Đề án; Phối hợp cùng các địa phương huyện, thị xã, thành phố, sở ban ngành trong tỉnh để thực hiện khảo sát, thu thập số liệu, lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo đề án.

5.2. Phương án tài chính

- Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách sự nghiệp Khoa học Công nghệ của tỉnh Hưng Yên năm 2020.

- Đơn vị chủ trì sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan và các cá nhân triển khai thực hiện Đề án tiến hành phân định các nội dung và kinh phí tương ứng bảo đảm việc chi tiêu, thanh quyết toán Đề án đúng nội dung, mức chi và thủ tục theo quy định.

PHẦN II. THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

I. Hoạt động khảo sát, thu thập số liệu:

Nội dung khảo sát, đánh giá về nhu cầu về thực trạng liên quan đến hoạt động Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Khảo sát, thu thập thông tin giúp việc xây dựng các chuyên đề, các báo cáo trong khuôn khổ đề án đảm bảo chất lượng. Hoạt động khảo sát, thu thập thông tin được đơn vị chủ trì thực hiện theo các bước sau:

1. Phương pháp điều tra, thu thập dữ liệu:

- + Thu thập bằng phiếu hỏi;
- + Thu thập thông tin qua các báo cáo của các cơ quan TW và địa phương;
- + Thu thập thông tin qua internet;
- + Thông tin, số liệu ghi nhận thông qua các tham luận tại các cuộc hội nghị, hội thảo...

2. Xây dựng phiếu

+ Mẫu phiếu được xây dựng linh hoạt trên 30 chỉ tiêu đối với mỗi mẫu phiếu.

+ Phiếu ghi nhận thông tin là lựa chọn có giá trị trong việc thu thập các nội dung thông tin liên quan đến đề án. Hình thức của phiếu được thiết kế theo mẫu đã được Luật pháp quy định liên quan đến nội dung thu thập thông tin. Phiếu được thiết kế trên 30 chỉ tiêu với các câu hỏi đóng có sẵn các phương án trả lời.

+ Phiếu điều tra sau khi thiết kế xong sẽ được tổ chức điều tra, với mục đích để cập nhật số liệu góp phần đánh giá mức độ phù hợp đối với nội dung và tình hình hoạt động khai thác sở hữu trí tuệ.

3. Thực hiện thu thập thực địa:

+ Phiếu điều tra được thực hiện lấy thông tin song song kết hợp cùng các hoạt động khác hoặc lần lượt;

+ Cán bộ điều tra tổ chức làm việc theo nhóm, để hoạt động lấy thông tin có hiệu quả và tạo thuận lợi cho cán bộ điều tra;

+ Đơn vị tổ chức thực hiện sẽ hỗ trợ người dẫn đường và phương tiện điều tra phù hợp tại từng khu vực, đối tượng thực hiện. Trong quá trình thực hiện, cán bộ điều tra sẽ cập nhật kết quả điều tra cho đơn vị quản lý.

+ Theo phương án được phê duyệt 500 phiếu khảo sát được thực hiện tại 10 huyện, thị xã, thành phố (mỗi địa phương 30 phiếu và 04 sở là Công thương, KH&CN, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa thể thao và du lịch (mỗi Sở 50 phiếu), đối tượng được tập trung là các cán bộ quản lý liên quan đến KH&CN, Nông nghiệp, Công thương, Văn hóa và đặc biệt là đại diện các doanh nghiệp,

Hợp tác xã trên địa bàn. Hoạt động điều tra bằng hỏi, phỏng vấn viết, không thực hiện câu hỏi bằng lời, được thực hiện theo một bảng hỏi in sẵn. Người được hỏi trả lời ý kiến của mình bằng cách đánh dấu vào các ô tương ứng theo một quy ước nào đó, các điều tra viên có nghiệp vụ về điều tra xã hội học, lập phương án và lộ trình điều tra, tiến hành điều tra theo tuyến, lựa chọn các cán bộ quản lý nhà nước trên các địa bàn tập trung các cơ sở sản xuất và kinh doanh có quy mô sản xuất, kinh doanh từ trung bình trở lên.

4. Xây dựng phần mềm tổng hợp và phân tích kết quả điều tra

+ Phần mềm được thiết kế phù hợp với nội dung thông tin của từng mẫu phiếu điều tra và được sử dụng sau khi việc thu thập thực địa kết thúc. Các thông tin thu thập được nhập vào hệ thống, sử dụng các lệnh, các hàm thống kê nhằm tổng hợp và xử lý số liệu theo yêu cầu thống kê thông tin.

5. Nhập trường và xử lý số liệu:

Nội dung phiếu điều tra được nhập vào hệ thống phần mềm nhập dữ liệu đã được thiết kế sẵn phù hợp với mẫu phiếu. Cán bộ chuyên môn sử dụng các công thức tính của hệ thống phần mềm để xử lý số liệu phục vụ cho công tác viết báo cáo điều tra. Số liệu thu thập đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng đề án có chất lượng, phù hợp nhu cầu thực tế.

Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng và nhu cầu sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên để xây dựng Đề án thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030. Qua việc thực hiện công tác tổ chức điều tra và thống kê tổng hợp số liệu, báo cáo đưa ra một số thông tin như sau:

- Trong những năm vừa qua, tỉnh Hưng Yên đã có sự quan tâm, đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ nói chung, sở hữu trí tuệ nói riêng, điển hình là Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017 - 2020 và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Hưng Yên hàng năm đều có nhóm các đề tài/dự án thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ cấp tỉnh và các cấp trong thời gian trung hạn, tình hình sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã có nhiều khởi sắc, phát triển theo hướng tích cực, là động lực phát triển kinh tế và là nền tảng nâng cao năng suất lao động, giá trị cạnh tranh, uy tín và danh tiếng của các sản phẩm trên thị trường.

- Về lĩnh vực sở hữu công nghiệp, hết năm 2019, Hưng Yên đã có 3.192 đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ, trong đó 1.388 đối tượng sở hữu công nghiệp đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký. Toàn tỉnh có 24 nhãn hiệu cộng đồng đã đăng ký bảo hộ thành công và đang trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng tương đối hiệu quả.

- Về lĩnh vực bảo hộ giống cây trồng: Trong 11 giống cây trồng (lúa) đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ của tỉnh Hưng Yên từ năm 2006 đến 2019, có 5 giống lúa thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Hiện trạng chung về bảo hộ giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên chưa sôi động.

- Về lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan: công tác đăng ký, quản lý cũng như hỗ trợ chưa được triển khai quyết liệt, chưa khai thác nguồn tài nguyên nhân văn, phi vật thể gắn liền với quyền tác giả và các quyền liên quan;

- Về công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ: các cơ quan quản lý nhà nước đã triển khai thực hiện công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả trong những năm qua, phát hiện và xử lý nhiều sự vụ việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, công tác triển khai đã có sự phối hợp trong một số công đoạn. Tuy nhiên công tác thực thi chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân và các trường hợp vi phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Về công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực: được tổ chức định kỳ hàng năm, bằng nhiều hình thức đa dạng, đã phát huy hiệu quả ở mức độ trung bình, cần tăng cường số lượng, mở rộng đối tượng tham gia tập huấn để đưa sở hữu trí tuệ vào đời sống sản xuất kinh doanh của người dân và nâng cao ý thức của người tiêu dùng;

- Nhu cầu về hỗ trợ tư vấn về hoạt động sở hữu trí tuệ chiếm tỷ lệ cao đặc biệt là đối tượng hỗ trợ trong lĩnh vực về SHCN (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp) cho cộng đồng hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã....

- Hoạt động hỗ trợ, tư vấn, xác lập quyền sở hữu công nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã... trên địa bàn tỉnh;

- Về công tác tuyên truyền, quảng bá sở hữu trí tuệ: tỉnh Hưng Yên thường xuyên có những sự kiện quảng bá, xúc tiến thương mại, thông tin tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tính sâu rộng và hiệu quả của công tác thông tin tuyên truyền tới đại bộ phận người dân.

II. Hoạt động xây dựng Chuyên đề

Dựa trên các kết quả khảo sát, đánh giá trong khuôn khổ của Đề án, đơn vị chủ trì phối hợp cùng các Chuyên gia chuyên ngành liên quan, nghiên cứu đánh giá xây dựng các chuyên đề phục vụ cho việc dự thảo Đề án:

1. Hoạt động Sở hữu trí tuệ trên thế giới

1.1 Tình hình phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ của một số quốc gia

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội toàn cầu, hoạt động sở hữu trí tuệ ngày càng mở rộng phạm vi, không chỉ giới hạn ở các vấn đề liên quan đến xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, mà đã hướng đến đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ để khai thác giá trị kinh tế - xã hội của loại tài sản đặc biệt này. Các quốc gia đã có nhiều cải cách trong bộ máy và sự vận hành của cơ quan sở hữu trí tuệ, nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, mở rộng các dịch vụ sở hữu trí tuệ, ban hành các chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ, tích cực tham gia các hoạt động hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ.

1.2 Chính sách pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Đến nay, các quốc gia đều thừa nhận sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, thách thức về mặt chính sách chính là phải tạo ra một hệ thống sở hữu trí tuệ vận hành hiệu quả, phù hợp với các nguồn lực và mục tiêu phát triển của quốc gia, tìm kiếm sự thỏa hiệp giữa các chủ thể và đảm bảo cân bằng giữa việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phổ biến tri thức. Bởi vậy, việc xác định mức độ bảo hộ thế nào là thỏa đáng và bảo vệ quyền thế nào là hiệu quả phụ thuộc vào trình độ phát triển của mỗi quốc gia. Các nước phát triển chú trọng vào việc bảo vệ quyền và lợi ích của chủ sở hữu trí tuệ, trong khi đó các nước đang phát triển lại quan tâm nhiều đến việc bảo vệ lợi ích chung của xã hội.

1.3. Cơ quan sở hữu trí tuệ

Mô hình bộ máy cơ quan sở hữu trí tuệ ở các quốc gia không giống nhau, đó có thể là cơ quan thuộc Chính phủ, hoặc thuộc Bộ; về cơ chế, đó có thể là tổ chức vận hành theo cơ chế tự chủ hoàn toàn hoặc “bán tự chủ”.

Một quốc gia có thể có một cơ quan sở hữu trí tuệ quản lý cả ba nhóm đối tượng sở hữu trí tuệ là quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan và quyền đối với giống cây trồng; hoặc với mỗi nhóm có một cơ quan riêng. Tuy nhiên, dù cơ cấu như thế nào thì phạm vi và cách thức hoạt động của các cơ quan sở hữu trí tuệ đã và đang có nhiều thay đổi, cụ thể là không còn giới hạn ở chức năng xác lập quyền sở hữu công nghiệp, mà ngày càng mở rộng, từ hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm thông tin, phổ biến kiến thức, kỹ năng cho các ngành, các giới, đến thực hiện vai trò chủ trì trong các hoạt động vĩ mô, như chủ trì soạn thảo chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ, soạn thảo và đàm phán nội dung sở hữu trí tuệ trong các điều ước quốc tế, đặc biệt là các hiệp định tự do thương mại và quan hệ hợp tác về sở hữu trí tuệ.

Nhiều cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia được trao quyền tự chủ về tài chính và nhân lực để chủ động thực hiện các hoạt động với phạm vi ngày càng mở rộng, không chỉ bó hẹp trong công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp, trong đó phải kể đến cơ quan sở hữu trí tuệ của các quốc gia Đông Nam Á như Singapore, Malaysia, Indonesia và Philippines.

1.4. Đăng ký/xác lập quyền sở hữu trí tuệ

Một trong những thách thức lớn nhất đối với các cơ quan sở hữu trí tuệ của hầu hết các nước là tình trạng thiếu hiệu quả trong xử lý đơn sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đơn sở hữu công nghiệp. Tồn đọng đơn đăng ký xác lập quyền (đặc biệt là đơn sáng chế và đơn nhãn hiệu) là vấn đề chung của tất cả các cơ quan sở hữu trí tuệ, kể cả các cơ quan sở hữu trí tuệ lớn trên thế giới. Do vậy, mục tiêu phấn đấu của hầu hết các nước là cải cách, đơn giản hóa thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo hướng thuận lợi, nhanh chóng, có chất lượng cao, công bằng, minh bạch dựa trên các biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy nhanh mức độ tự động hóa trong hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế, đặc biệt là giữa các cơ quan sở hữu trí tuệ với nhau, cũng được đẩy mạnh nhằm mục tiêu rút ngắn thời gian và nâng

cao chất lượng xử lý đơn như Chương trình thẩm định nhanh đơn sáng chế (PPH – Patent prosecution highway), Chương trình hợp tác thẩm định sáng chế ASEAN (ASPEC).

Một kinh nghiệm đáng tham khảo là của cơ quan sở hữu trí tuệ Hàn Quốc. Hàn Quốc xác định rõ việc cung cấp dịch vụ thẩm định sáng chế nhanh và có chất lượng sẽ góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo sở hữu trí tuệ. Hệ thống nộp đơn trực tuyến được Hàn Quốc thiết lập và vận hành từ năm 1999, đến nay đã được nâng cấp và cải thiện rất nhiều nhằm tạo thuận lợi nhất cho người nộp đơn. Nhằm cải thiện chất lượng xử lý đơn và hạn chế tồn đọng đơn, Hàn Quốc đã áp dụng Hệ thống thẩm định thông minh từ năm 2016 bằng cách tự động kiểm tra các lỗi hình thức của đơn và lỗi trong thông báo của cơ quan sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, một số nước đã chú trọng cải thiện và nâng cao hiệu quả các thủ tục khác liên quan đến đơn sở hữu công nghiệp. Ví dụ: thủ tục thẩm định lại, giải quyết các ý kiến phản đối đơn, giải quyết khiếu nại theo cơ chế hội đồng là biện pháp mà nhiều cơ quan sở hữu công nghiệp lớn áp dụng như Hoa Kỳ, Nhật Bản và được nhiều nước học tập (Singapore, Thái Lan). Việc công bố đơn, tình trạng và kết quả xử lý đơn sở hữu công nghiệp một cách công khai, minh bạch đang được nhiều cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia và khu vực thực hiện.

1.5. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới cho thấy hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ có một số vấn đề đáng chú ý sau:

- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là điểm yếu nhất trong hệ thống sở hữu trí tuệ của các quốc gia đang phát triển và kém phát triển, do nhiều nguyên nhân khác nhau (quy định pháp luật chưa đầy đủ, không thống nhất; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan thiếu hiệu quả; việc giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ mất nhiều thời gian và chi phí; nhận thức của công chúng về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế...). Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng tinh vi, phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn mới như áp dụng công nghệ cao, sử dụng các thiết bị hiện đại để sản xuất hàng xâm phạm quyền, đồng thời có tổ chức chặt chẽ và không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ một nước mà đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia.

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các quốc gia đều đang nỗ lực để nâng cao hiệu quả của hoạt động này bằng nhiều giải pháp đồng bộ về chính sách, pháp luật, cải cách bộ máy, xây dựng tòa chuyên trách về sở hữu trí tuệ, nâng cao nhận thức công chúng về bảo hộ và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, đào tạo cán bộ làm công tác bảo vệ quyền. Đặc biệt, nhiều quốc gia đã thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ quyền.

- Hầu hết các quốc gia đều tập trung nguồn lực công vào việc xử lý hình sự và kiểm soát biên giới để chống hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ (hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu quyền tác giả và quyền liên quan). Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khác có bản chất tranh chấp dân sự và được giải quyết bằng biện pháp dân sự thông qua tòa án.

- Hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền bằng biện pháp dân sự được chú trọng nâng cao bằng biện pháp chuyên môn hóa như: lập tòa chuyên trách về sở hữu trí tuệ/sáng chế (Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, v.v.); có thẩm phán chuyên trách về sở hữu trí tuệ; tăng cường cán bộ chuyên môn sở hữu trí tuệ cho tòa án, điều động thẩm định viên của cơ quan sáng chế đến làm việc cho tòa án trong 3 năm (Nhật Bản).

- Các quốc gia đều coi trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, các tổ chức bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng đóng vai trò tích cực trong bảo đảm thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

1.6. Kinh nghiệm xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ của một số quốc gia

Nhận thức được tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ, các nước trên thế giới đều quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ làm kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển một nền kinh tế tri thức sáng tạo của quốc gia.

1.6.1. Nhật Bản

Với mục tiêu trở thành “quốc gia phát triển dựa trên sở hữu trí tuệ”, tháng 3/2002, Hội đồng chiến lược về sở hữu trí tuệ của Nhật Bản đã ban hành Đề cương Chính sách sở hữu trí tuệ được coi là Chiến lược Sở hữu trí tuệ của Nhật Bản, trong đó đề ra nhiệm vụ: Chính phủ Nhật Bản phải đẩy mạnh các hành động chiến lược đối với bốn yếu tố “sáng tạo”, “bảo vệ” và “khai thác” sở hữu trí tuệ trong chu trình sáng tạo trí tuệ và “nâng cao trình độ nguồn nhân lực” để hỗ trợ ba yếu tố trên.

1.6.1.1. Chiến lược sáng tạo

- Sáng tạo trong các trường đại học, viện nghiên cứu công lập: Đẩy mạnh hoạt động của các viện, trường và các tổ chức nghiên cứu công lập trong việc tạo ra các kết quả sáng tạo đột phá để có được các sáng chế cơ bản, cũng như tạo ra các công nghệ và ngành công nghiệp mới.

- Thúc đẩy sáng tạo, đăng ký và quản lý sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp: Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thúc đẩy tạo ra các sáng chế có sức cạnh tranh quốc tế, mở rộng “hệ thống Bayh-Dole của Nhật Bản”.

- Tăng cường giáo dục và phát triển nhân lực để thúc đẩy hoạt động sáng tạo: triển khai các chương trình giáo dục về sở hữu trí tuệ từ cấp giáo dục tiểu học, trung học đến giáo dục đại học; thúc đẩy sự tôn trọng thành quả sáng tạo.

1.6.1.2. Chiến lược bảo hộ

Để đạt được mục tiêu khuyến khích tạo ra tài sản trí tuệ, bản thân hệ thống sở hữu trí tuệ và hoạt động của hệ thống này trong các cơ quan hành chính và tòa án phải được vận hành một cách thân thiện, đáng tin cậy với người sử dụng, có tính chuyên nghiệp và ổn định:

- Nâng cao hiệu quả thẩm định và giải quyết khiếu nại về sáng chế một cách nhanh chóng và chính xác: Rút ngắn thời gian thẩm định đơn; hợp tác với các nước trong việc sử dụng các kết quả tra cứu và kết quả thẩm định sáng chế của nhau; cải tổ mạnh mẽ hệ thống giải quyết khiếu nại và cơ chế thực thi.

- Cải tổ hệ thống tư pháp, thành lập Tòa sáng chế tại một số tòa án nhất định; tăng cường hệ thống giải quyết tranh chấp thay thế (trọng tài, hòa giải); hoàn thiện các biện pháp kiểm soát biên giới ở cả góc độ pháp luật và thực tiễn.

1.6.1.3. Chiến lược khai thác

- Khuyến khích khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở các trường đại học và tổ chức nghiên cứu công lập: Thành lập các “Ủy ban chính sách về sở hữu trí tuệ” trong các trường đại học; củng cố và rà soát việc đăng ký xác lập và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

- Định giá và khai thác tài sản trí tuệ: Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công ty khởi nghiệp và các cá nhân trong việc nhận thức được giá trị của tài sản trí tuệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ; xây dựng phương pháp định giá tài sản trí tuệ.

1.6.1.4. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để cung cấp các chuyên gia chất lượng cao trong việc đăng ký xác lập quyền và giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

- Thành lập các trường luật tập trung vào đào tạo về sở hữu trí tuệ

Để triển khai các mục tiêu trên, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể và giao cho các Bộ, ngành thực hiện từ việc xây dựng các cơ chế, chính sách đến việc đảm bảo kinh phí thực hiện. Năm 2003, Chính phủ Nhật Bản đã trình lên Quốc hội Đạo luật Sở hữu trí tuệ cơ bản làm nền tảng pháp lý cho việc triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ của Nhật Bản, trong Luật đã quy định việc thành lập Hội đồng sở hữu trí tuệ của Nhật Bản do Thủ tướng đứng đầu, thành viên là các Bộ trưởng và các chuyên gia. Hội đồng có trách nhiệm triển khai Chiến lược và hàng năm xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai.

1.6.2. Hàn Quốc

Hàn Quốc đã luật hóa một số nguyên tắc cơ bản về chính sách sở hữu trí tuệ và được quy định tại Luật cơ bản về sở hữu trí tuệ, được ban hành năm 2011. Dưới Luật còn có các Sắc lệnh của Tổng thống hướng dẫn thực hiện vào các năm 2011, 2013, 2014.

Luật cơ bản về sở hữu trí tuệ giao cho Chính phủ trách nhiệm thúc đẩy các chính sách liên quan đến sở hữu trí tuệ theo các nguyên tắc:

- Thúc đẩy tạo ra tài sản trí tuệ có giá trị bằng cách khuyến khích các chủ thể sáng tạo: tăng cường năng lực nghiên cứu triển khai của các viện nghiên cứu công lập, của các doanh nghiệp; thúc đẩy hợp tác trong hoạt động nghiên cứu và

phát triển của các viện nghiên cứu công lập và các doanh nghiệp; hỗ trợ sử dụng cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu trí tuệ trong quá trình triển khai hoạt động R&D, ban hành các cơ chế nhằm đánh giá kết quả của hoạt động R&D dựa trên đầu ra về tài sản trí tuệ.

- Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả và ổn định, thúc đẩy việc khai thác và sử dụng hợp lý quyền sở hữu trí tuệ; chú trọng tăng cường các biện pháp thực thi hành chính và tư pháp; cải cách hệ thống phục vụ hoạt động thẩm định, tài phán, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

- Thúc đẩy khai thác quyền sở hữu trí tuệ: Thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp dựa trên khai thác quyền sở hữu trí tuệ; tăng cường kết nối cung và cầu về tài sản trí tuệ; cải cách hệ thống để tăng cường tính thanh khoản cho các tài sản trí tuệ; thúc đẩy đầu tư vào hoạt động tài chính, thiết lập các công cụ ủy thác, bảo lãnh, bảo hiểm... dựa trên quyền sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng môi trường xã hội coi trọng quyền sở hữu trí tuệ, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp: nâng cao nhận thức của xã hội về quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy hoạt động thi đua sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ giữa các địa phương; hỗ trợ các thành phần không có nhiều nguồn lực kinh tế như các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nông dân, ngư dân, các cá nhân tham gia vào hoạt động sáng tạo...

Đạo luật đã quy định việc thành lập Hội đồng Tổng thống về sở hữu trí tuệ do Thủ tướng và một người được Tổng thống bổ nhiệm là Chủ tịch. Hội đồng gồm 40 thành viên là các Bộ trưởng và các chuyên gia do Tổng thống bổ nhiệm.

Đạo luật cũng quy định Chính phủ 5 năm một lần xây dựng một chiến lược tổng thể về sở hữu trí tuệ quốc gia, trong đó xác định mục tiêu và định hướng cơ bản cho các chính sách trung hạn và dài hạn liên quan đến sở hữu trí tuệ để đạt được các mục tiêu của Đạo luật.

1.6.3. Trung Quốc

Xác định rằng Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia nhằm mục đích nâng cao năng lực sáng tạo, ứng dụng, bảo hộ và quản lý sở hữu trí tuệ của Trung Quốc, đưa Trung Quốc trở thành một quốc gia đổi mới sáng tạo và đạt được mục tiêu xây dựng một xã hội phồn vinh về mọi mặt, tháng 01/2005, Quốc vụ viện Trung Quốc đã thành lập Nhóm công tác xây dựng Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia, do Phó Thủ tướng WuYi làm trưởng nhóm, cùng với 30 thành viên là các Bộ trưởng và các chuyên gia. Ngày 25/6/2008, Trung Quốc đã ban hành Đề cương Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia.

Trung Quốc xác định phải tập trung nỗ lực để cải thiện hệ thống sở hữu trí tuệ, tạo ra môi trường pháp lý, môi trường thị trường và môi trường văn hóa thuận lợi vì sự phát triển tài sản trí tuệ nhằm nâng cao mạnh mẽ năng lực sáng tạo và nỗ lực đưa Trung Quốc trở thành một quốc gia đổi mới sáng tạo, phát triển xã hội thịnh vượng.

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo đó, Trung Quốc đặt mục tiêu đến năm 2025 đứng vào hàng ngũ các nước tiên tiến trên thế giới về số đơn đăng ký sáng chế của người nộp đơn trong nước, tăng số đơn của Trung Quốc đăng ký ở nước ngoài, xây dựng một số thương hiệu của Trung Quốc nổi tiếng trên thế giới. Trung Quốc sẽ tăng tỷ lệ đóng góp vào GDP của các ngành công nghiệp bản quyền cốt lõi.

Trung Quốc cũng xác định rằng các sản phẩm của Trung Quốc ngày càng tăng yếu tố sở hữu trí tuệ, các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư nhiều hơn vào sở hữu trí tuệ và ứng dụng các tài sản trí tuệ nhiều hơn để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, một trong những mục tiêu quan trọng của Chiến lược là nâng cao nhận thức của xã hội về quyền sở hữu trí tuệ và hình thành được văn hóa sở hữu trí tuệ.

Để thực hiện các mục tiêu đó, Chiến lược sở hữu trí tuệ Trung Quốc đã đề ra những nhiệm vụ chiến lược như:

- Tăng cường thể chế sở hữu trí tuệ: Tập trung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường hệ thống pháp luật về quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; đặc biệt đẩy mạnh vai trò định hướng của sở hữu trí tuệ trong các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội; phối hợp hài hòa giữa chính sách sở hữu trí tuệ với chính sách công nghiệp, khoa học công nghệ, thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế.

- Thúc đẩy sáng tạo và ứng dụng sở hữu trí tuệ: Tạo ra các thể chế thị trường để thúc đẩy sử dụng tài sản trí tuệ; tăng tỷ lệ hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc có hàm lượng tài sản trí tuệ; khuyến khích doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong quá trình sáng tạo và ứng dụng tài sản trí tuệ; phát huy đầy đủ vai trò của các trường cao đẳng, trường đại học và viện nghiên cứu trong việc tạo ra các tài sản trí tuệ.

- Tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong đó các biện pháp tư pháp đóng vai trò chủ đạo; giảm bớt chi phí thực thi quyền; tăng mức phạt cho các hành vi xâm phạm.

- Ngăn chặn lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ: Hoàn thiện hệ thống luật pháp nhằm ngăn chặn lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ, tạo sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

- Hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ: Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến kiến thức, giáo dục và nâng cao nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ, xây dựng nền văn hóa sở hữu trí tuệ.

Để triển khai Chiến lược, Trung Quốc đã thành lập một Ủy ban Liên ngành của Quốc vụ viện, một Ủy viên Quốc vụ viện (hàm Phó Thủ tướng) được phân công chỉ đạo thực hiện Chiến lược. Hàng năm Ủy ban Liên ngành xây

dựng một Kế hoạch hành động với các nhiệm vụ cụ thể phù hợp với từng giai đoạn.

1.6.4. Một số quốc gia Đông Nam Á

Các nước Malaysia, Singapore, Thái Lan cũng ban hành Chính sách hoặc Chiến lược sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ hiệu quả đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội của quốc gia mình.

1.6.4.1. Malaysia

Chiến lược (Chính sách) sở hữu trí tuệ của Malaysia được ban hành năm 2007. Malaysia xác định mục tiêu chính của Chính sách sở hữu trí tuệ quốc gia là tập trung vào tối đa hóa sự đóng góp của sở hữu trí tuệ trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và công nghệ thông qua việc tạo ra một môi trường khuyến khích sáng tạo; xây dựng một hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ với tiêu chuẩn cao; thúc đẩy khai thác thương mại tiềm năng về sở hữu trí tuệ; thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ và xây dựng nguồn nhân lực để thực hiện thành công Chính sách này.

Các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể trong Chính sách sở hữu trí tuệ của Malaysia bao gồm:

- Xây dựng hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ theo tiêu chuẩn cao nhất: nâng cao năng lực của cơ quan sở hữu trí tuệ Malaysia nhằm đáp ứng yêu cầu của người nộp đơn; tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; thành lập tòa án sở hữu trí tuệ;

- Khuyến khích hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ: Xây dựng môi trường khuyến khích hoạt động sáng tạo trong đó có ưu đãi, hỗ trợ tài chính, quản lý, giao dịch kinh doanh, thực thi và giải quyết tranh chấp; xây dựng Trung tâm Tài nguyên để công bố và khuyến khích sử dụng dữ liệu sáng chế; nhận chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của nước ngoài trong một số lĩnh vực ưu tiên;

- Khuyến khích khai thác thương mại tài sản trí tuệ: Hỗ trợ các ngành công nghiệp nhỏ và vừa và các cá nhân tham gia khai thác quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng các phương pháp định giá, các quy định về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng;

- Phát triển hạ tầng giao dịch về sở hữu trí tuệ: khuyến khích khu vực ngân hàng và tài chính xây dựng các công cụ tài chính và ngân hàng dành cho tài sản trí tuệ để cho phép hoạt động thế chấp hoặc chứng khoán hóa tài sản trí tuệ;

- Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức công chúng: thành lập viện nghiên cứu cấp quốc gia để cung cấp chương trình đào tạo chuyên ngành về sở hữu trí tuệ; đưa sở hữu trí tuệ vào chương trình giáo dục chính quy từ cấp tiểu học.

1.6.4.2. Thái Lan

Tháng 01/2017, Thái Lan đã ban hành “Lộ trình sở hữu trí tuệ 20 năm của Thái Lan” phù hợp với chiến lược quốc gia “Thái Lan 4.0” trong đó tập trung vào việc phát triển kinh tế dựa trên trí tuệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm 6 vấn đề chính:

- Đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng sở hữu trí tuệ: khuyến khích các hoạt động nghiên cứu và phát triển; thúc đẩy việc khai thác cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ;

- Xác lập quyền sở hữu trí tuệ đúng thời hạn: gia tăng nguồn lực có chất lượng để tăng cường hiệu quả cho công tác xử lý đơn; hợp tác, chia sẻ công việc với các cơ quan sở hữu trí tuệ khác;

- Thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ: hỗ trợ hoạt động phát triển và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu nhằm đáp ứng với nhu cầu thị trường, hỗ trợ hoạt động định giá quyền sở hữu trí tuệ cũng như sử dụng quyền sở hữu trí tuệ làm tài sản thế chấp;

- Thực thi hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ: nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh hoạt động hợp tác với cảnh sát, hải quan, các cơ quan khác và khu vực tư nhân;

- Thúc đẩy phát triển chỉ dẫn địa lý nhằm phục vụ phát triển kinh tế nông thôn thông qua hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý phù hợp và hiệu quả; hệ thống kiểm soát tiêu chuẩn và chất lượng của các sản phẩm được đăng ký chỉ dẫn địa lý, hỗ trợ đưa các sản phẩm này ra thị trường;

- Bảo hộ nguồn gen, tri thức truyền thống và các hình thức thể hiện văn hóa dân gian: hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan và xây dựng cơ sở dữ liệu hiệu quả về các tài sản này.

1.6.4.3. Singapore

Năm 2013, Chính phủ Singapore ban hành Chiến lược 10 năm phát triển sở hữu trí tuệ.

Mục tiêu của Chiến lược là đưa Singapore trở thành trung tâm quốc tế về giao dịch, quản lý về tài sản trí tuệ; trung tâm cung cấp dịch vụ đăng ký và giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ chất lượng cao; đưa Singapore thành quốc gia phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo có thứ hạng cao trên thế giới; đến 2019 có được 1.500 công ty biết khai thác tài sản trí tuệ của mình.

1.7. Một số vấn đề rút ra cho Việt Nam

Qua việc nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia và các biện pháp thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ ở một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy rằng các nước đều nhận thức rõ sở hữu trí tuệ là công cụ để phát triển khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội. Việc xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ của Việt Nam là hết sức cần thiết, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Qua đó, có thể rút

ra một số nội dung tham khảo cho việc phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ của Việt Nam như sau:

- Sở hữu trí tuệ luôn phải gắn liền với chính sách phát triển các ngành kinh tế - xã hội, từ công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa đến y tế, giáo dục, môi trường, v.v.. Việc xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia nói riêng cũng như chính sách sở hữu trí tuệ nói chung cần có sự tham gia của các địa phương, Bộ, ngành liên quan và các chủ thể khác trong hệ thống sở hữu trí tuệ (các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, HTX, hội, hiệp hội, làng nghề...). Đặc biệt, kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy việc xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia cần có sự chỉ đạo trực tiếp ở cấp lãnh đạo cao nhất của Chính phủ; thành lập Hội đồng/Ủy ban sở hữu trí tuệ quốc gia (đứng đầu có thể là Thủ tướng Chính phủ); ban hành kế hoạch hành động theo từng giai đoạn, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm và khi kết thúc mỗi giai đoạn để xác định, định hướng phát triển và các nhiệm vụ cần triển khai của giai đoạn tiếp theo.

- Việc phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ cần được tiến hành đồng bộ ở tất cả các khâu (sáng tạo/ tạo ra tài sản trí tuệ, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khai thác (ứng dụng, thương mại hóa) quyền sở hữu trí tuệ) và có sự tham gia tích cực, hiệu quả và phối hợp chặt chẽ của tất cả các chủ thể trong hệ thống (cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, cơ quan bảo vệ quyền, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ, bổ trợ, v.v.).

- Về bộ máy quản lý sở hữu trí tuệ, cần tăng cường xây dựng cơ quan sở hữu trí tuệ hiện đại, hiệu quả, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quản trị đơn sở hữu công nghiệp; xem xét trao cơ chế tự chủ tài chính hoặc bán tự chủ để phát huy tính chủ động, hiệu quả của cơ quan này.

- Về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các biện pháp tư pháp (dân sự và hình sự) đóng vai trò chủ đạo, xem xét việc hình thành các tòa chuyên trách về sở hữu trí tuệ, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (trọng tài, hòa giải) cần được quan tâm áp dụng nhiều hơn cũng như tập trung nâng cao năng lực của cán bộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đội ngũ thẩm phán và nâng cao nhận thức công chúng về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng văn hóa sở hữu trí tuệ.

- Về chính sách thúc đẩy sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ: Cần tăng cường sự liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và phát triển để tạo ra và ứng dụng, thương mại hóa các tài sản trí tuệ. Trong mối liên kết đó, cơ quan sở hữu trí tuệ đóng vai trò rất quan trọng, là cầu nối gắn kết các chủ thể với nhau và với các tổ chức hỗ trợ, bổ trợ.

- Việc sử dụng thông tin sở hữu trí tuệ, chủ yếu là thông tin sáng chế là rất cần thiết, góp phần định hướng cho hoạt động nghiên cứu, dự báo xu hướng phát triển công nghệ phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Việc hoàn thiện cơ chế phân chia lợi ích giữa các nhóm chủ thể liên quan đến kết quả sáng tạo, đặc biệt là các kết quả được tạo ra từ nguồn ngân sách nhà nước cần được quan tâm hoàn thiện.

- Các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ cũng cần được quan tâm: phát triển các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ (tư vấn pháp lý, xây dựng thương hiệu, quản trị tài sản trí tuệ, định giá, kiểm toán...); phát huy vai trò của các hiệp hội, tổ chức tập thể; hoàn thiện công cụ tra cứu, phân tích thông tin sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển.

- Phát triển nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ là một trong những ưu tiên hàng đầu phục vụ cho việc phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ.

- Các địa phương cần ưu tiên xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các đối tượng liên quan, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh.

2. Hoạt động Sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

2.1. Hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam

Hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã trải qua chặng đường gần 40 năm phát triển. Ngày 23/01/1981, Chính phủ đã ban hành Nghị định 31/CP về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế, đánh dấu thời điểm ra đời của hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và sự ra đời của Cục Sáng chế (tiền thân của Cục Sở hữu trí tuệ). Tiếp theo đó, ngày 20/02/1987, Cục Bản quyền tác giả văn học - nghệ thuật được thành lập, sau khi Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 142/HĐBT ngày 14/11/1986 quy định về quyền tác giả. Đến nay, Việt Nam đã có một hệ thống sở hữu trí tuệ tương đối hoàn thiện ở tất cả các nhân tố đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2. Chính sách, pháp luật về/liên quan đến sở hữu trí tuệ

2.2.1. Chủ trương của Đảng về phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ

Chủ trương của Đảng về sở hữu trí tuệ được đề cập thông qua các chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở quan điểm “phát triển kinh tế tri thức”, Báo cáo kinh tế - xã hội của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII đã đặt ra những nhiệm vụ và giải pháp liên quan đến khoa học và công nghệ là tập trung phát triển “*tiềm lực khoa học và công nghệ*”; “*Phát triển đông bộ thị trường khoa học, công nghệ, có cơ chế, chính sách phù hợp để đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ và phát triển sản giao dịch, tăng cường chuyển giao công nghệ, phát triển các tổ chức chuyển giao công nghệ, kết nối cung - cầu, kết nối thị trường trong nước với khu vực và thế giới gắn với bảo hộ sở hữu trí tuệ, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ, hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ*”. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cũng chỉ rõ nhiệm vụ phải *thu hút, phát huy mạnh*

mẽ sức sáng tạo của nhân dân. Ngoài ra, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI tại Đại hội XII của Đảng cũng đã nêu nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa.

2.2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về sở hữu trí tuệ

Chủ trương của Đảng được cụ thể hóa trong chính sách nhất quán và rõ ràng của Nhà nước về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cũng như khai thác, phổ biến tài sản trí tuệ. Các chính sách này được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Luật Sở hữu trí tuệ) và trong các văn bản dưới luật về việc trao các quyền sở hữu trí tuệ và thiết lập bộ máy cơ quan nhà nước phục vụ việc xác lập, bảo vệ các quyền đó; và những quy định về điều kiện để mỗi chủ thể sáng tạo được trao quyền và các ngoại lệ quyền nhằm bảo đảm lợi ích cho xã hội. Các chính sách đó là:

- Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với lợi ích công cộng; không bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh;

- Khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân;

- Hỗ trợ tài chính cho việc nhận chuyển giao, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phục vụ lợi ích công cộng; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ cho hoạt động sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Ưu tiên đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan làm công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.¹

Luật Sở hữu trí tuệ ra đời cùng với 17 Nghị định quy định chi tiết, 19 Thông tư và Thông tư liên tịch hướng dẫn đã đáp ứng các yêu cầu liên quan đến việc thiết lập hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ đáp ứng chuẩn mực về “tính đầy đủ” và “tính hiệu quả” của Hiệp định TRIPS và các điều ước quốc tế song phương và đa phương khác. Đồng thời, điều này cũng làm thay đổi toàn bộ cấu trúc của hệ thống các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam, chuyển từ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đơn hành thành một luật chuyên ngành thống nhất, làm nền tảng pháp lý cơ bản để điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến việc bảo hộ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ².

¹ Luật Sở hữu trí tuệ

² Vào thời điểm Việt Nam nộp đơn xin gia nhập WTO (1995), hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được vận hành theo các nguyên tắc chung được quy định tại Phần thứ VI Bộ luật Dân sự 1995 và các văn bản quy phạm “dưới luật”, gồm Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (1989) và Pháp lệnh

Có thể nói, pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện nay tương đối toàn diện, bao quát mọi khía cạnh quan trọng về sở hữu trí tuệ³: các quy phạm về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu về đối tượng và tiêu chuẩn bảo hộ, đăng ký/xác lập quyền, nội dung và phạm vi quyền, thời hạn bảo hộ và cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà Hiệp định TRIPS của WTO và các điều ước quốc tế khác liên quan đến sở hữu trí tuệ như Công ước Paris, Công ước Berne, Công ước UPOV đặt ra.

2.2.3. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam tham gia

Sau năm 1975, Việt Nam tuyên bố kế thừa tư cách thành viên của Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp và Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu mà chính quyền cũ đã tham gia từ năm 1949. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tuyên bố thừa nhận Công ước Stockholm về việc thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) và kế thừa vị trí thành viên của Tổ chức này. Việt Nam cũng đã tham gia Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (Hiệp ước PCT) từ ngày 10/3/1993.

Việc gia nhập điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ được đẩy mạnh trong những năm sau đó để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Việt Nam lần lượt tham gia các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ như Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (2004); Công ước Brussels về phân phối tín hiệu mang chương trình mã hóa truyền qua vệ tinh (2005) và Công ước Geneva bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép trái phép (2005); Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu (2006); Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (Công ước UPOV)(2006); Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và tổ chức phát sóng (2006).

Việt Nam cũng ký kết nhiều điều ước quốc tế về hoặc có nội dung về sở hữu trí tuệ như: Hiệp định khung về hợp tác sở hữu trí tuệ giữa các nước ASEAN năm 1995; Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ với Liên bang Thụy Sĩ (năm 1999); Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ (2000), Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với Liên bang Nga (2008); Hiệp định về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong hợp tác kỹ thuật quân sự song phương với Liên bang Nga (2010); Hiệp định khung về Hợp tác và Đối tác toàn diện (PCA) Việt Nam - EU (2010) và hàng loạt hiệp định hợp tác về khoa học kỹ thuật, trong đó có các điều khoản về sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, còn phải kể đến những thỏa thuận tự do thương mại thế hệ mới có những cam kết sâu và rộng về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam tham gia đàm phán, ký kết như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Bảo hộ quyền tác giả (1994) được xây dựng từ hệ thống văn bản pháp quy (các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ).

³ Phụ lục 1.1. Các văn bản quy phạm pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

(CPTPP); Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU, v.v..⁴ Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, mà điển hình là Hiệp định CPTPP, có mức độ cam kết mở cửa sâu, phạm vi các vấn đề điều chỉnh đa dạng, bao trùm nhiều lĩnh vực, trong đó riêng về quyền sở hữu trí tuệ, các hiệp định này đã nâng cao mức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vượt bậc so với chuẩn mực quốc tế phổ biến hiện nay, nhất là trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Cơ chế bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vốn dĩ được coi là một công cụ để khuyến khích, thúc đẩy sáng tạo, đổi mới, chống cạnh tranh không lành mạnh để đưa các sản phẩm sáng tạo, đặc biệt là công nghệ mới để phát triển kinh tế, phục vụ đời sống xã hội. Do đó, một chế độ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cao nếu tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài thì cũng tạo thuận lợi cho cả doanh nghiệp Việt Nam trong việc hưởng lợi ích đối với thành quả đầu tư cho hoạt động sáng tạo. Tuy nhiên, cơ hội cũng chính là thách thức. Chế độ bảo hộ sở hữu trí tuệ cao cũng đồng nghĩa với việc thu hẹp khả năng tiếp cận sản phẩm trí tuệ được bảo hộ đối với xã hội, trong đó có doanh nghiệp. Trong thời hạn bảo hộ, giá sản phẩm đương nhiên là cao trong khi đối với doanh nghiệp, giá công nghệ, kể cả phần mềm máy tính, bí quyết kỹ thuật là vấn đề quan trọng, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Bên cạnh đó, xu hướng bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nghiêm khắc hơn trong các hiệp định thương mại tự do có lợi ích là việc các hành vi xâm phạm sẽ được xử lý nghiêm minh hơn, môi trường kinh doanh cạnh tranh hơn. Nhưng lợi ích này cũng đi kèm với khó khăn mà các doanh nghiệp của ta phải đương đầu như chịu gánh nặng đối với các thủ tục kiểm soát chặt chẽ hơn, đặc biệt là khi bị rơi vào tranh chấp, kiện tụng kể cả trong trường hợp kinh doanh xâm phạm ngay tình.

Chính vì thế, bên cạnh việc phải chấp nhận luật chơi chung toàn cầu khi tham gia hội nhập quốc tế, cần có những chính sách thận trọng để có thể tận dụng cơ hội, giảm thiểu thách thức hay cao hơn là biến những thách thức trở thành cơ hội.

2.2.4. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách phát triển các ngành/lĩnh vực

Có thể thấy, trong thời gian qua đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước là xây dựng một hệ thống sở hữu trí tuệ phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống đó là công cụ để khuyến khích sáng tạo, đổi mới, chống cạnh tranh không lành mạnh để đưa các sản phẩm sáng tạo, đặc biệt là công nghệ mới vào phát triển kinh tế, phục vụ đời sống xã hội; đồng thời đảm bảo sự cân bằng lợi ích của chủ sở hữu trí tuệ và lợi ích xã hội để một mặt bảo vệ thành quả đầu tư cho hoạt động sáng tạo của tổ chức, cá nhân, mặt khác coi trọng lợi ích của toàn dân.

Hệ thống văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ đã tương đối đầy đủ và về cơ bản phù hợp với đường lối và chính sách mà Đảng và Nhà nước đã đề ra và đáp

⁴ Phụ lục 2. Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam tham gia đàm phán, ký kết

ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản này còn chồng chéo và phức tạp, gồm nhiều tầng nấc với các văn bản hướng dẫn thi hành khác nhau; tính đồng bộ và thống nhất trong quy định giữa các văn bản pháp luật chưa cao; một số quy định chưa chi tiết, rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu và thi hành khác nhau; một số quy định còn thiếu tính khả thi, không thực sự phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đặc biệt là các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, v.v.. Các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật sở hữu trí tuệ nhìn chung được ban hành rải rác, chưa đảm bảo tính kịp thời. Một số văn bản chậm được xây dựng, hoặc được xây dựng, sửa đổi, bổ sung trong thời gian quá dài, chất lượng văn bản chưa cao. Nội dung quy định trong một số văn bản còn mâu thuẫn, chồng chéo với nhau hoặc với Luật Sở hữu trí tuệ.

Các nội dung liên quan đến sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong chính sách, chiến lược của từng ngành, lĩnh vực chưa thực sự rõ nét, do đó các nhiệm vụ, giải pháp về sở hữu trí tuệ phục vụ mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực cũng như mục tiêu phát triển quốc gia chưa được chú trọng đúng mức.

Nguyên nhân của các tồn tại trên là do việc xây dựng chính sách, pháp luật chưa được thực hiện một cách đồng bộ; nguồn nhân lực cho hoạt động này còn mỏng và không được quan tâm, đào tạo một cách thỏa đáng.

Đồng thời, sở hữu trí tuệ là lĩnh vực liên quan đến nhiều Bộ, ngành và cần phải có nhiều văn bản hướng dẫn thi hành, đòi hỏi cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc xây dựng văn bản để đảm bảo tính thống nhất, nhưng quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong công tác nêu trên chưa thực sự chặt chẽ.

Đặc biệt, nhận thức chưa đầy đủ về vai trò công cụ của sở hữu trí tuệ dẫn tới đối tượng này chưa được thể hiện rõ nét trong các giải pháp để phát triển các ngành, lĩnh vực nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung.

2.3. Các chủ thể trong hệ thống sở hữu trí tuệ

2.3.1. Các cơ quan nhà nước về sở hữu trí tuệ

a) Các cơ quan quản lý hành chính nhà nước về sở hữu trí tuệ

Nói đến các cơ quan nhà nước về sở hữu trí tuệ trước hết cần phải nói đến các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Các cơ quan này được chia làm 2 cấp, trung ương và địa phương. Nhìn chung hoạt động của các cơ quan này tập trung vào việc:

- Xây dựng để trình ban hành các chiến lược, chính sách về sở hữu trí tuệ và tổ chức thực hiện;
- Soạn thảo để trình ban hành hoặc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- Tổ chức bộ máy quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ;

- Cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ;

- Tổ chức, quản lý hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ;

- Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Ở *Trung ương*, nhiệm vụ quản lý nhà nước nêu trên được giao cho ba Bộ quản lý theo chuyên ngành là:

- Bộ Khoa học và công nghệ: quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp và là cơ quan đầu mối quản lý chung về sở hữu trí tuệ (cơ quan đầu mối: Cục Sở hữu trí tuệ);

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan (cơ quan đầu mối: Cục Bản quyền tác giả);

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng (cơ quan đầu mối: Văn phòng bảo hộ giống cây trồng thuộc Cục Trồng trọt).

Trong đó, Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối, chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Ở *địa phương*, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thông qua các cơ quan chuyên môn giúp việc tương ứng là các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc tương tự); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại địa phương theo thẩm quyền, đó là:

- Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định của địa phương;

- Tổ chức hệ thống quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại địa phương và thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả của hệ thống đó;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ, thực hiện các biện pháp đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ; Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu trí tuệ;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ; Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ, giải quyết khiếu nại, tố cáo về sở hữu trí tuệ tại địa phương;

Riêng đối với lĩnh vực sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có nhiệm vụ quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc địa phương, kể cả địa danh,

dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương.

Có thể thấy, về mặt cơ cấu, tổ chức chung của hệ thống sở hữu trí tuệ, mô hình ba cơ quan phụ trách ba lĩnh vực khác nhau về quyền sở hữu trí tuệ đảm bảo được sự phù hợp với đặc thù của từng loại đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.

Đối với các cơ quan ở địa phương: Nhiều địa phương không có cán bộ chuyên trách mà thường là các cán bộ kiêm nhiệm, tình trạng luân chuyển cán bộ diễn ra phổ biến. Hoạt động về sở hữu trí tuệ tại địa phương còn thiếu tính chủ động và chưa thực sự được quan tâm thỏa đáng.

b) Cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Luật Sở hữu trí tuệ quy định ba biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước, đó là biện pháp dân sự, biện pháp hình sự và biện pháp hành chính (trong đó có biện pháp kiểm soát biên giới). Theo đó, các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm: Tòa án (biện pháp dân sự, hình sự) và các cơ quan hành chính nhà nước (biện pháp hành chính).

(i) Tòa án

Hiện nay, hệ thống Tòa án nhân dân nói chung được tổ chức thành 4 cấp với nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể là: Tòa án nhân dân tối cao (xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm); Tòa án nhân dân cấp cao (chỉ có 3 tòa tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, có thẩm quyền xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm); Tòa án nhân dân cấp tỉnh (xét xử sơ thẩm và phúc thẩm); Tòa án nhân dân cấp huyện (xét xử sơ thẩm). Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh có các tòa chuyên trách như tòa hình sự, tòa dân sự, tòa hành chính, tòa kinh tế, tòa lao động, v.v.. Tòa án nhân dân cấp huyện có thể có tòa chuyên trách. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định các Tòa chuyên trách khác có thể được Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tùy theo yêu cầu và thực tế xét xử ở mỗi địa phương. Tuy nhiên, đến nay, không cấp nào có tòa chuyên trách về sở hữu trí tuệ.

Liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự, thẩm quyền của Tòa án các cấp được xác định dựa trên loại tranh chấp dân sự. Theo đó, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau mà không có mục đích lợi nhuận. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ có mục đích lợi nhuận.

Liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hình sự, thẩm quyền xét xử sơ thẩm tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thuộc về Tòa án nhân dân cấp huyện. Trường hợp vụ án có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, v.v., Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiến hành việc xét xử sơ thẩm. Bên cạnh đó, còn có các cơ quan khác tham gia vào quá trình tố tụng hình sự là Cơ quan điều tra (Công an) và Viện kiểm sát nhân dân.

(ii) Cơ quan hành chính nhà nước

Bộ máy bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính (kể cả kiểm soát biên giới) bao gồm Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Công an, Hải quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Biên phòng.

** Thanh tra chuyên ngành*

Thanh tra chuyên ngành trực thuộc các Bộ: (i) Bộ Khoa học và Công nghệ (về sở hữu công nghiệp); (ii) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (về quyền tác giả, quyền liên quan); (iii) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (về giống cây trồng); (iv) Bộ Thông tin và Truyền thông (về tên miền) và các Sở tương ứng ở địa phương có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng của mình, cụ thể như sau:

- Thanh tra Khoa học và Công nghệ: Có thẩm quyền xử lý và áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính đối với tất cả các loại hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

- Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Có thẩm quyền xử lý và áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và hành vi quảng cáo xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

- Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Có thẩm quyền xử lý và áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng.

- Thanh tra Thông tin và Truyền thông: Có thẩm quyền xử lý và áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên miền.

Về nhân lực, đội ngũ cán bộ Thanh tra chuyên ngành, đặc biệt là ở cấp Sở, rất mỏng và hầu như không có cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ.

** Quản lý thị trường*

Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương. Ở Trung ương, Tổng cục Quản lý thị trường gồm có Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường và các Vụ quản lý nhà nước. Ở địa phương, các tổ chức Quản lý thị trường gồm có Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh (bao gồm Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Quản lý thị trường liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và Đội Quản lý thị trường cấp huyện (trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh).

Lực lượng quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt các hành vi sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo ở thị trường trong nước, v.v. trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; các hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, bán, cho thuê, v.v. trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan; và các hành vi vi phạm quy định về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, v.v. trong lĩnh vực quyền đối với giống cây trồng.

Lực lượng quản lý thị trường có đội ngũ cán bộ đông đảo nhất trong số các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính (lên tới hàng nghìn người và hoạt động trong khắp cả nước), tuy nhiên số lượng cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ không nhiều, đồng thời còn hạn chế về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm về sở hữu trí tuệ.

** Cơ quan công an*

Bên cạnh chức năng điều tra, truy tố các tội về sản xuất, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được quy định trong Bộ luật Hình sự, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu toàn quốc còn có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ở cấp Bộ có Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (gọi tắt là Cục Cảnh sát kinh tế, mã hiệu C03); cấp địa phương có các Phòng Cảnh sát kinh tế thuộc Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Đội Cảnh sát kinh tế thuộc Công an cấp Quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tại hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Cảnh sát kinh tế có một đội chuyên trách chống hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tại các địa phương khác, chức năng chống hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được giao Đội chống buôn lậu, hàng giả thuộc Phòng Cảnh sát kinh tế.

Cơ quan công an có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan và lĩnh vực giống cây trồng. Cụ thể, Cảnh sát kinh tế có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với hành vi sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ hàng hóa giả mạo hoặc tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo.

Bên cạnh đó, cơ quan công an còn có thẩm quyền phát hiện, xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao cho các cơ quan khác (Thanh tra Khoa học và công nghệ, Thanh tra Thông tin và Truyền thông, Quản lý thị trường, Hải quan) để xử lý hành chính theo quy định.

Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác đấu tranh chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong các cơ quan công an còn hạn chế về số lượng, chỉ có 02/63 đơn vị công an địa phương bố trí cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ.

** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và huyện có thẩm quyền xử lý và áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương tương ứng.

** Hải quan*

Hải quan là cơ quan quản lý nhà nước có chức năng và thẩm quyền thực hiện các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ bao gồm kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm

phạm quyền sở hữu trí tuệ và tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHTT.

Bộ máy làm công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được triển khai từ Tổng cục Hải quan với đầu mối tham mưu là Cục Giám sát quản lý về Hải quan, thông tin về sở hữu trí tuệ triển khai từ Tổng cục tới các Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và đến từng Chi cục Hải quan nơi trực tiếp làm thủ tục hải quan cho các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

Bộ phận thực thi trực tiếp xử phạt các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả là cán bộ Hải quan ở khâu làm thủ tục hải quan, lực lượng kiểm soát tại các Chi cục và Đội Kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra Chống buôn lậu, số lượng cán bộ tham gia hơn 900 người trong toàn ngành (số liệu năm 2018).

** Biên phòng*

Lực lượng biên phòng có thẩm quyền xử phạt một số hành vi xuất khẩu, nhập khẩu trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan và lĩnh vực giống cây trồng.

Bên cạnh các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, liên quan đến việc xử lý vi phạm về hàng giả, còn có Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, được thành lập theo Quyết định 389/QĐ-TTg ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ). Ban Chỉ đạo 389 quốc gia có hệ thống bộ máy từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố, đứng đầu là Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban, các Phó Trưởng ban, Ủy viên là lãnh đạo của các Bộ ban ngành trung ương. Ban Chỉ đạo 389 quốc gia không phải là cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ, mà có nhiệm vụ chỉ đạo việc phối hợp giữa các cơ quan và các lực lượng chức năng phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả nghiêm trọng, có tổ chức; thành lập các đoàn liên ngành để kiểm tra việc xử lý các vụ buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả lớn.

Qua các phân tích nêu trên, có thể rút ra một số nhận xét tổng quát về bộ máy cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ như sau:

- Hệ thống các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính rất đông đảo, gồm thanh tra chuyên ngành của các Bộ quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và nhiều cơ quan khác (thuộc các Bộ khác nhau) có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Không có cơ quan nào giữ vai trò đầu mối về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ một cách thực sự, mỗi cơ quan phụ trách một lĩnh vực (chuyên ngành) hoặc một phạm vi (xử lý hành vi vi phạm xảy ra trên thị trường hoặc tại nơi sản xuất).

- Phạm vi thẩm quyền của các cơ quan còn có sự trùng lặp (ví dụ, cả Thanh tra Khoa học và Công nghệ, lực lượng Quản lý thị trường và Công an đều có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán

hàng giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý). Công an chủ yếu điều tra và chuyển hồ sơ cho cơ quan khác để khởi tố hoặc xử phạt hành chính.

- Đa số các cơ quan chưa có lực lượng chuyên trách về sở hữu trí tuệ, nếu có thì chỉ tổ chức ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và số lượng cán bộ không nhiều. Việc đào tạo chuyên môn về sở hữu trí tuệ cho cán bộ của các cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu dưới hình thức tham gia các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước.

c) Các cơ quan quản lý nhà nước khác

Bên cạnh hai nhóm cơ quan trực tiếp tham gia vào hệ thống sở hữu trí tuệ, còn có các cơ quan quản lý nhà nước khác đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận hành các hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó phải kể đến các cơ quan xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ thúc đẩy hoạt động tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ như Bộ Khoa học và Công nghệ (chính sách khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo), Bộ Công Thương (chính sách liên quan đến sở hữu trí tuệ gắn với việc phát triển các ngành công nghiệp, chính sách đẩy mạnh phát triển thương hiệu...), Bộ Y tế (chính sách trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là công nghiệp dược và vấn đề đảm bảo sức khỏe cộng đồng/khả năng tiếp cận thuốc), Bộ Giáo dục và Đào tạo (chính sách về đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ, chính sách khuyến khích tạo ra và phát triển tài sản trí tuệ trong các trường đại học...), Bộ Thông tin và Truyền Thông (chính sách phát triển công nghiệp phần mềm, xuất bản, truyền thông), Bộ Tài chính (cơ chế, chính sách về tài chính nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động tạo lập và khai thác tài sản trí tuệ), v.v..

2.3.2. Tổ chức hỗ trợ, bổ trợ về sở hữu trí tuệ

Hiện nay, tham gia vào hệ thống sở hữu trí tuệ với vai trò hỗ trợ, bổ trợ còn có các tổ chức đại diện, giám định về sở hữu trí tuệ, tổ chức nghiên cứu về sở hữu trí tuệ, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan và các tổ chức cung cấp các dịch vụ tư vấn, định giá, môi giới... nhưng còn nhiều hạn chế.

Trong đó, về sở hữu công nghiệp, đến hết năm 2020, có 198 tổ chức đại diện và 335 người đại diện sở hữu công nghiệp nhưng chỉ có văn phòng ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; có 04 giám định viên, trong đó 02 giám định viên đang hoạt động trong một tổ chức giám định, dưới danh nghĩa của tổ chức (Viện Khoa học sở hữu trí tuệ) và 02 giám định viên hoạt động độc lập.

Về quyền tác giả và quyền liên quan, có 04 tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả và 01 Trung tâm giám định về quyền tác giả.

Về giống cây trồng, hiện nay có 5 tổ chức đại diện về giống cây trồng, chưa có tổ chức giám định về giống cây trồng.

Nhiều tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến sở hữu trí tuệ đã được hình thành như Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Hội sở hữu trí tuệ TP. Hồ Chí Minh, Hội Sáng chế, Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc, v.v.. Bước đầu, các tổ chức này đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ

quyền sở hữu trí tuệ cho các thành viên. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp cũng đã tham gia vào hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật với vai trò phản biện xã hội.

Có thể thấy, lực lượng các tổ chức hỗ trợ về sở hữu trí tuệ đã phát triển ở mức nhất định và có những đóng góp đáng kể cho hệ thống sở hữu trí tuệ nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần được khắc phục. Ví dụ như, đối với đại diện sở hữu công nghiệp, mặc dù số lượng người hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp không thấp nhưng chưa có nhiều người có trình độ chuyên sâu về từng lĩnh vực của sở hữu công nghiệp và hoạt động đại diện chưa bảo đảm tính chuyên nghiệp. Có quá ít các tổ chức đại diện về giống cây trồng v.v...

Nguyên nhân của tình trạng trên là:

- Quy định cho phép một người đại diện sở hữu công nghiệp được phép hành nghề trong tất cả các chuyên ngành sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu... của lĩnh vực sở hữu công nghiệp, với tiêu chuẩn hành nghề và nội dung sát hạch về nghiệp vụ như nhau.

- Công tác quản lý, giám sát hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

- Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp. Kế hoạch đào tạo chưa thực sự sát với nhu cầu, chỉ giới hạn ở đào tạo ngắn hạn. Các cơ quan quản lý nhà nước vẫn đóng vai trò chủ chốt trong hoạt động đào tạo.

2.4. Hoạt động sở hữu trí tuệ

Như đã phân tích trên đây, hoạt động sở hữu trí tuệ bao gồm hoạt động của các chủ thể liên quan trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, hoạt động xây dựng chính sách và pháp luật của các cơ quan nhà nước đã được đề cập ở phần trên đây. Các hoạt động sở hữu trí tuệ trong mục này sẽ bao gồm các nội dung theo chu trình của tài sản trí tuệ, bao gồm các khâu là

- Tạo ra tài sản trí tuệ;
- Xác lập quyền SHTT;
- Khai thác quyền SHTT;
- Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Trong bốn khâu nêu trên, hoạt động tạo ra, khai thác tài sản trí tuệ chủ yếu do các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện, Nhà nước chỉ đóng vai trò kiến tạo dưới hình thức xây dựng các chính sách, quy định pháp luật và thực hiện các hoạt động hỗ trợ, bổ trợ, trong khi đó ở khâu xác lập và thực thi quyền, Nhà nước đóng vai trò quan trọng khi thực hiện phần lớn các công việc theo yêu cầu của chủ thể quyền.

2.5. Thực trạng hoạt động SHTT ở Việt Nam

2.5.1. Kết quả đạt được

a) Về chính sách, pháp luật

Nhà nước đã có chính sách nhất quán và rõ ràng về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hướng tới thiết lập môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh. Các chính sách này đã được cụ thể hóa thông qua các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và các chương trình của Nhà nước hỗ trợ xây dựng, khai thác, phát triển và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm sáng tạo, đặc biệt là công nghệ mới để phát triển kinh tế, phục vụ đời sống xã hội, từng bước đảm bảo cân bằng lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích xã hội.

Hệ thống văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ đã tương đối đầy đủ và về cơ bản phù hợp với đường lối và chính sách mà Đảng và Nhà nước đã đề ra và đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế.

b) Về quản lý nhà nước

Bộ máy quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đã được thiết lập và vận hành từ Trung ương đến địa phương nhằm thống nhất quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trên phạm vi cả nước. Hiện đã có ba cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trong ba lĩnh vực chính là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan), Bộ Khoa học và Công nghệ (quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng).

Hoạt động sở hữu trí tuệ tại địa phương đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhiều địa phương đã chủ động tích cực trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách pháp luật về sở hữu trí tuệ cũng như hướng dẫn xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động sáng kiến, đổi mới sáng tạo.

c) Về tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ

Hoạt động tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ ở Việt Nam đã dần được chú trọng và có nhiều chuyển biến, thay đổi tích cực nhờ vào sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ. Năng lực đổi mới sáng tạo và nhận thức về sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghiên cứu phát triển của các chủ thể sáng tạo và thương mại hóa đã được cải thiện. Số lượng bài báo khoa học, số đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tăng đều qua các năm.

Cơ chế kết nối giữa tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và Nhà nước đã dần hình thành, từng bước đưa các kết quả nghiên cứu gắn với nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Một số văn phòng/trung tâm chuyển giao công nghệ đã được thành lập trong các tổ chức nghiên cứu và đi vào hoạt động nhằm khai thác và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu do tổ chức tạo ra.

d) Về xác lập quyền sở hữu trí tuệ

Nhìn chung hoạt động xác lập quyền về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Nhà nước đã thiết lập các quy trình, thủ tục để cá nhân, tổ chức có

thể xác lập quyền sở trí tuệ và duy trì bộ máy các cơ quan để thực hiện các quy trình, thủ tục đó. Bộ máy thực hiện thủ tục công nhận quyền sở hữu trí tuệ đã vận hành thông suốt, tạo cơ sở pháp lý để tài sản trí tuệ được đưa vào khai thác thương mại một cách an toàn.

e) Về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Hệ thống cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đã được thiết lập và hoạt động từ Trung ương đến địa phương, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ quyền dần dần được hình thành và đạt được nhiều kết quả tích cực. Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đã được quy định đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và các điều ước quốc tế.

Hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu được vận hành bằng cơ chế xử phạt vi phạm hành chính cùng với cơ chế cung cấp ý kiến chuyên môn của tổ chức giám định và các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, đã thực hiện được một trong những chức năng trụ cột của hệ thống sở hữu trí tuệ, đó là bảo vệ quyền và chống giả mạo về sở hữu trí tuệ.

g) Về hoạt động hỗ trợ, bổ trợ

Đến nay, các tổ chức hỗ trợ về sở hữu trí tuệ đã phát triển ở một mức độ nhất định và có những đóng góp đáng kể cho hệ thống sở hữu trí tuệ. Các tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ phát triển rộng khắp cả nước và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động xác lập, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Hoạt động giám định đã đáp ứng phần nào nhu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp liên quan đến sở hữu trí tuệ đã tham gia tích cực vào hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật, tuyên truyền nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cho công chúng. Các hoạt động trung gian (môi giới, định giá, tư vấn pháp lý...) làm cầu nối giữa các chủ thể sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ đã được triển khai và đạt được những kết quả nhất định.

Hoạt động thông tin sở hữu công nghiệp được tiến hành thường xuyên để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội: cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp được cập nhật đều đặn để công chúng khai thác, sử dụng; các công cụ tra cứu từng bước được phát triển.

Hoạt động đào tạo, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ đã được triển khai đúng hướng, thường xuyên, dưới nhiều hình thức phong phú. Các đối tượng tham dự đã có những nhận biết sâu sắc hơn về vai trò của sở hữu trí tuệ và sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ vào lĩnh vực hoạt động của mình.

2.5.2. Hạn chế, nguyên nhân

a) Về chính sách pháp luật

Hệ thống các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ còn phức tạp, gồm nhiều tầng nấc với các văn bản hướng dẫn thi hành khác nhau; tính đồng bộ và thống nhất trong quy định giữa các văn bản pháp luật chưa cao; một số quy định chưa chi tiết, rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu và thi hành khác nhau; v.v.. Một số văn bản chậm được xây dựng, chưa bảo đảm tính kịp thời, chất lượng văn bản chưa cao.

Chính sách về sở hữu trí tuệ trong các ngành, lĩnh vực chưa thực sự rõ nét, do đó các nhiệm vụ, giải pháp về sở hữu trí tuệ phục vụ mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực chưa được chú trọng đúng mức; và đồng thời cũng là nguyên nhân dẫn đến việc pháp luật về sở hữu trí tuệ còn chưa tạo thuận lợi cho việc ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới vào các hoạt động kinh tế ở Việt Nam. Các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khuyến khích tạo lập và khai thác tài sản trí tuệ mặc dù đã có nhưng chưa thực sự hấp dẫn, thủ tục hưởng ưu đãi phức tạp.

b) Về quản lý nhà nước

Về mặt cơ cấu, tổ chức chung của hệ thống sở hữu trí tuệ, mô hình ba cơ quan phụ trách ba lĩnh vực khác nhau về quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động quản lý không tập trung, liên kết rời rạc, không có tính hệ thống.

Hoạt động của các cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ ở nhiều địa phương chưa phát huy tác dụng tương xứng với vị trí, vai trò của cơ quan lãnh đạo, điều hành hoạt động sở hữu trí tuệ; cán bộ chuyên trách không ổn định, thêm vào đó năng lực, kiến thức chuyên môn về sở hữu trí tuệ của cán bộ địa phương còn hạn chế, dẫn đến lúng túng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Hoạt động sở hữu trí tuệ trong các bộ, ngành chưa được chú trọng, chưa có đầu mối quản lý về sở hữu trí tuệ, vì vậy sự kết nối về chuyên môn giữa các bộ, ngành chưa hiệu quả.

c) Về tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ

Hiện nay, ở Việt Nam, trường đại học, viện nghiên cứu là hai khu vực chính triển khai các hoạt động nghiên cứu, trong đó khối các trường đại học chủ yếu vẫn chỉ chú trọng công tác đào tạo, hoạt động nghiên cứu chưa được triển khai đúng với tiềm lực khoa học công nghệ. Sự tham gia của doanh nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu triển khai còn mờ nhạt, hầu như các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có bộ phận nghiên cứu triển khai. Số lượng các bài báo khoa học và đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ tăng nhưng chưa tương xứng với các tiềm lực khoa học công nghệ. Hoạt động nghiên cứu của các trường đại học, viện nghiên cứu còn mang tính thụ động, thiếu sự gắn kết với hoạt động sản xuất, kinh doanh dẫn tới hạn chế đáng kể việc khai thác, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa quan tâm và đầu tư cho xây dựng chiến lược nghiên cứu và triển khai, chủ yếu sử dụng công nghệ nước ngoài để tránh rủi ro và tiết kiệm chi phí hơn so với đầu tư nghiên cứu. Nhìn chung, tài sản trí tuệ được tạo ra còn hạn chế về cả số lượng và chất lượng, chưa có định hướng tập trung nguồn lực để tạo ra các tài sản trí tuệ từ thế mạnh của Việt Nam.

d) Về xác lập quyền sở hữu trí tuệ

Hoạt động xác lập quyền về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội tuy nhiên vẫn còn không ít hạn chế, đặc biệt liên quan đến thời hạn và chất lượng xử lý đơn, do đó làm chậm và thậm chí rút ngắn thời hạn độc quyền thực tế của văn bằng bảo hộ, một số trường hợp phạm vi bảo hộ không được xác định

rõ ràng, gây khó khăn cho quá trình khai thác cũng như bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.

e) Về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Thực tiễn hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam những năm qua cho thấy sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan bảo vệ quyền chưa hiệu quả, chủ yếu dừng ở mức chia sẻ thông tin và phối hợp trong một số hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành. Bộ tiêu chí thống kê về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa được xây dựng, do vậy số liệu thống kê không thống nhất, không đầy đủ và thiếu chi tiết. Tình trạng thiên về áp dụng biện pháp hành chính trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là không phù hợp vì quyền sở hữu trí tuệ là quyền dân sự và phải được giải quyết chủ yếu bằng biện pháp dân sự. Cơ chế bảo vệ quyền bằng biện pháp dân sự và hình sự không phát huy tác dụng do vướng mắc trong quy định pháp luật và tâm lý ngại ra tòa (biện pháp dân sự) của các chủ thể.

g) Về hoạt động hỗ trợ, bổ trợ

Hệ thống các tổ chức hỗ trợ còn thiếu về số lượng và hạn chế về chất lượng, chưa phát huy tốt nhất vai trò hỗ trợ cho các chủ thể trong hệ thống sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các chủ thể sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ.

Nhận thức của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp về bảo hộ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa cao, chưa có ý thức chủ động tự bảo vệ quyền của mình cũng như tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Những hạn chế, bất cập trên trong hệ thống và hoạt động sở hữu trí tuệ ở Việt Nam do nhiều nguyên nhân khác nhau cả về chủ quan và khách quan, cụ thể là:

- Việc xây dựng chính sách pháp luật chưa được thực hiện một cách đồng bộ; các chính sách đầu tư cho khoa học công nghệ, khuyến khích tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ chưa thực sự hiệu quả.

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý chưa chặt chẽ dẫn tới chồng chéo trong quản lý, thủ tục hành chính phức tạp. Hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ kém hiệu quả, chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Nguồn nhân lực của cơ quan sở hữu trí tuệ còn hạn chế so với nhu cầu xác lập quyền của xã hội, mô hình tổ chức công việc chưa hợp lý. Thông tin về tình trạng xử lý đơn trong suốt quá trình xử lý chưa được công khai, minh bạch, đầy đủ khiến cho người nộp đơn và công chúng tiếp cận thông tin chưa được dễ dàng.

- Thiếu các công cụ tra cứu hiệu quả: Chưa chuẩn hóa từ khóa tra cứu; chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, hiện đại, tích hợp đầy đủ thông tin.

- Các chủ thể chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghiên cứu, triển khai cũng như chưa khai thác hiệu quả các công cụ sở hữu trí tuệ cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh. Nhận thức của xã hội về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế.

- Các hoạt động hỗ trợ, bổ trợ về sở hữu trí tuệ chưa phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu, nguồn lực cho hoạt động hỗ trợ, bổ trợ còn hạn chế, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ. Chưa phát triển được sàn giao dịch tài sản trí tuệ để kết nối cung cầu về tài sản trí tuệ.

- Tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng phổ biến và phức tạp, tinh vi, đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho công tác bảo vệ quyền.

2.6. Đề xuất

Trên cơ sở phân tích thực trạng của hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam, đặt trong bối cảnh và xu thế phát triển trong nước và quốc tế, nhóm xây dựng Đề án rút ra Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức, làm căn cứ để đưa ra các đề xuất xây dựng Chiến lược sở hữu trí tuệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 theo bảng sau:

1. CÁC ĐIỂM MẠNH	2. CÁC ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Hệ thống văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ tương đối đầy đủ, về cơ bản phù hợp với đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước đã đề ra và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. ➤ Bộ máy quản lý nhà nước và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được thiết lập ở các cấp. ➤ Hình thành và phát triển các loại hình tổ chức hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, có những đóng góp đáng kể cho hệ thống sở hữu trí tuệ. ➤ Trình tự, thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ được quy định rõ ràng, đầy đủ. ➤ Hệ sinh thái khởi nghiệp đã hình thành và đang dần phát triển, mở rộng quy mô. Năng lực đổi mới sáng tạo dần được cải thiện (thể hiện ở các chỉ số GII liên quan đến sở hữu trí tuệ được nâng cao, số lượng bài báo khoa học, đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ tăng dần...). 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Việc ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ còn chưa đồng bộ và kịp thời. Một số quy định chưa rõ ràng dẫn tới nhiều cách hiểu và thi hành khác nhau. Vấn đề sở hữu trí tuệ chưa rõ nét trong chính sách, chiến lược phát triển của các ngành, lĩnh vực và địa phương. ➤ Hoạt động của các cơ quan quản lý và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa phát huy tính chủ động, cơ chế phối hợp kém hiệu quả, đặc biệt là trong công tác bảo vệ quyền. ➤ Tài sản trí tuệ của người Hưng Yên và Việt Nam còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng ➤ Hoạt động xác lập quyền sở hữu công nghiệp chưa đảm bảo về thời hạn và chất lượng xử lý. ➤ Tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ diễn ra khá phổ biến, chưa được xử lý nghiêm minh. ➤ Nguồn nhân lực còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng trong các cơ quan quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và tổ chức hỗ trợ về sở hữu trí tuệ. ➤ Các chủ thể sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ còn thiếu kỹ năng sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh

	<p>doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Nhận thức về sở hữu trí tuệ trong toàn xã hội chưa đồng đều, còn hạn chế
3. CÁC CƠ HỘI	4. CÁC THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hướng tới thiết lập môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh. ➤ Chủ thể sáng tạo của Việt Nam ngày càng nhiều và đa dạng. Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ngày càng gia tăng về số lượng và trình độ. ➤ Sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức quốc tế và các quốc gia phát triển. ➤ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển nhanh chóng và lan tỏa trên phạm vi toàn thế giới thành tựu của công nghệ thông tin, môi trường số dẫn tới dễ dàng tiếp cận và học tập kinh nghiệm phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ của các quốc gia và khu vực trên thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn tới mở rộng đối tượng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các tiêu chuẩn mới được thiết lập dẫn tới khoảng cách ngày càng xa giữa yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa các nước phát triển và các nước đang/kém phát triển. ➤ Nhu cầu của xã hội về SHTT ngày một tăng cao ➤ Tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng diễn ra phổ biến, phức tạp và tinh vi đòi hỏi hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phải được điều chỉnh kịp thời và linh hoạt. ➤ Sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và sự dịch chuyển của nguồn vốn đầu tư, xu hướng thay đổi chuỗi sản phẩm, dịch chuyển đầu tư sản xuất về nơi tạo ra công nghệ và thị trường tiêu thụ làm giảm cơ hội được tiếp cận các công nghệ tiên tiến của các nước đang/kém phát triển. ➤ Các điều ước quốc tế, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các yêu cầu cao về bảo hộ quyền SHTT đặt ra thách thức về việc vừa thi hành cam kết vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội trong nước (trình độ phát triển công nghệ, kinh tế - xã hội, mức sống và trình độ nhận thức của người dân).

2.8. Mục tiêu Chiến lược sở hữu trí tuệ Quốc gia đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện

Hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam trải qua gần 40 năm hình thành và phát triển đã tạo nền tảng cơ bản khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo của các tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, sở hữu trí tuệ của Việt Nam chưa thực sự là động lực cho sự phát triển khoa học và công nghệ, chưa đóng góp tích cực vào

phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng một Chiến lược Sở hữu trí tuệ để định hướng phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Việc xây dựng và thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ cần có sự huy động nguồn lực của toàn xã hội để sở hữu trí tuệ thực sự trở thành một công cụ đắc lực cho hoạt động đổi mới, sáng tạo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Trước nhu cầu cấp thiết trên ngày 22 tháng 08 năm 2019 Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định số 1068/QĐ-TTg Phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 với mục tiêu:

- Đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

- Việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, công bằng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Hiệu quả thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ được nâng cao rõ rệt, tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giảm đáng kể.

- Tài sản trí tuệ mới của cá nhân, tổ chức Việt Nam gia tăng cả về số lượng và chất lượng, cải thiện vượt bậc các chỉ số về sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII):

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm;

- Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tăng trung bình 6 - 8%/năm;

- Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 8 - 10%/năm;

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12 - 14%/năm, 10 - 12% trong số đó được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài; đưa Việt Nam trở thành trung tâm bảo hộ giống cây trồng với việc hình thành cơ quan bảo hộ giống cây trồng khu vực ASEAN.

- Hoạt động khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ được chú trọng, đẩy mạnh; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8 - 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ; có ít nhất 1 - 2 giống cây trồng được khai thác quyền ở nước ngoài; số lượng doanh nghiệp sử dụng hiệu quả công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng đáng kể;

- Phát triển được một số ngành công nghiệp có mức độ sử dụng tài sản trí tuệ cao, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên và có lợi thế cạnh tranh, gia tăng đáng kể đóng góp của các ngành này vào tăng trưởng GDP;

- Chỉ dẫn địa lý, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian được bảo hộ và khai thác hiệu quả trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Phát triển được các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả và quyền liên quan nhằm tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm sáng tạo đa dạng, chất

lượng cao; phần đầu đến năm 2030 doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả, quyền liên quan đóng góp khoảng 7% GDP và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội.

Để kế hoạch thực hiện chiến lược được đồng bộ, hiệu quả ngay sau khi Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược ngày 22/08/2019, nhiều địa phương trên cả nước đã và đang lên kế hoạch thực hiện chiến lược theo thống kê của cục sở hữu trí tuệ theo bảng sau:

Bảng 1. Tình hình triển khai chiến lược Sở hữu trí tuệ tại các Bộ và các Địa phương trên cả nước

TT	Tỉnh, thành phố	VB chỉ đạo của UBND tỉnh	Kế hoạch/Đề án	Văn bản khác	Ghi chú
1	An Giang				
2	Bà Rịa – Vũng Tàu				
3	Bắc Giang				
4	Bắc Kạn		X		
5	Bạc Liêu		X		
6	Bắc Ninh				
7	Bến Tre	X			
8	Bình Định				
9	Bình Dương	X			
10	Bình Phước	X			
11	Bình Thuận		X		
12	Cà Mau				
13	Cần Thơ				
14	Cao Bằng				
15	Đà Nẵng				
16	Đắk Lắk	X			
17	Đắk Nông				
18	Điện Biên				
19	Đồng Nai				
20	Đồng Tháp				
21	Gia Lai				
22	Hà Giang				
23	Hà Nam				
24	Hà Nội				
25	Hà Tĩnh		X		
26	Hải Dương	X			
27	Hải Phòng				
28	Hậu Giang				
29	Hòa Bình				
30	Hưng Yên				
31	Khánh Hòa				

TT	Tỉnh, thành phố	VB chỉ đạo của UBND tỉnh	Kế hoạch/Đề án	Văn bản khác	Ghi chú
33	Kon Tum		X		
34	Lai Châu				
35	Lâm Đồng	X			
36	Lạng Sơn		X		
37	Lào Cai		X		
38	Long An				
39	Nam Định				
40	Nghệ An				
41	Ninh Bình				
42	Ninh Thuận				
43	Phú Thọ	X			
44	Phú Yên				
45	Quảng Bình				
46	Quảng Nam		X		
47	Quảng Ngãi				
48	Quảng Ninh		X		
49	Quảng Trị	X			
50	Sóc Trăng				
51	Son La				
52	Tây Ninh				
53	Thái Bình				
54	Thái Nguyên				
55	Thanh Hóa				
56	Thừa Thiên Huế				
57	Tiền Giang				
58	TP Hồ Chí Minh			X	
59	Trà Vinh				
60	Tuyên Quang	X			
61	Vĩnh Long	X			
62	Vĩnh Phúc				
63	Yên Bái				
	CỘNG	10	9	1	

Nguồn: Thống kê, theo dõi triển khai Chiến lược SHTT tại các Bộ và địa phương (Cục SHTT tháng 6/2020)

3. Thực trạng hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

3.1. Tổng quan

Quyền sở hữu trí tuệ đang khẳng định vai trò không thể thiếu trong quá trình hình thành một nền kinh tế toàn diện và phát triển bền vững. Chứng chỉ về quyền sở hữu trí tuệ là vật chứng bảo đảm cho thành công của mỗi cá nhân, tổ chức khi tiến vào thị trường toàn quốc hoặc quốc tế. Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, ngoài hiện trạng sản phẩm đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ còn ít, còn có hiện trạng sản phẩm đã được bảo hộ nhưng khai thác không có hiệu quả hoặc bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở các cấp độ khác nhau.

Cần phải nhìn nhận một thực tế là, quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam nói chung và Hưng Yên nói riêng bị xâm phạm ngày càng phức tạp. Hàng giả, hàng nhái, hàng sao chép, hàng lậu... đang được bày bán công khai ở mọi nơi. Nguy cơ này sẽ ngày càng tăng khi Việt Nam mở cửa rộng rãi hơn, tham gia sâu hơn vào các hiệp định tự do thương mại. Ý thức của người tiêu dùng cũng là vấn đề đáng lo ngại. Nguyên nhân của hiện tượng này do giá bán hàng giả chỉ bằng 1/3 đến 1/10 giá của hàng thật nên người tiêu dùng biết là hàng giả nhưng vẫn sử dụng. Bên cạnh đó là sự cố tình vi phạm của các công ty về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá hay sản phẩm bán chạy cùng loại.

Tài sản trí tuệ của doanh nghiệp có vị trí không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi được chú trọng và khai thác một cách tối ưu, tài sản “vô hình” này sẽ giúp các doanh nghiệp tăng cường sức mạnh, nâng cao vị thế, uy tín và khả năng cạnh tranh để nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, sở hữu trí tuệ là một công cụ đắc lực đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và mỗi quốc gia. Thực tiễn cho thấy, nhiều doanh nghiệp, Hợp tác xã, làng nghề truyền thống ở Việt Nam và trên thế giới đã rất thành công và trở nên nổi tiếng nhờ khai thác có hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ. Đối với các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hay làng nghề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, quyền sở hữu trí tuệ cũng đóng một vai trò quan trọng, đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Thực hiện đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước, thời gian qua, hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh Hưng Yên đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hội làng nghề đã tiến hành đăng ký xác lập bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ. Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch Khoa học và Công nghệ hàng năm với một số dự án, nhiệm vụ về tuyên truyền, hỗ trợ xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm nổi tiếng, đặc thù của tỉnh. Tỉnh cũng giao cho các ban ngành chức năng và các đơn vị có năng lực tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các đối tượng liên quan. Qua đó góp phần nâng cao sức cạnh tranh của một số sản phẩm được bảo hộ, nhận thức của cán bộ, công chức, các tác nhân liên quan trong tỉnh về sở hữu trí tuệ được nâng lên. Một số thương hiệu của tỉnh Hưng Yên đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ và đang trong quá trình khai thác sử dụng hiệu quả như, chỉ dẫn địa lý nhãn lồng Hưng

Yên, nhãn hiệu tập thể Quất cảnh Văn Giang, nhãn hiệu tập thể Bạc Huệ Lai, nhãn hiệu tập thể gà Đông Tảo, nhãn hiệu chứng nhận vải trắng Hưng Yên, cam Hưng Yên, nghệ Chí Tân.....

Tuy vậy, hoạt động sở hữu trí tuệ của tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Các hoạt động đăng ký, xác lập bảo hộ quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, trong tỉnh vẫn còn thấp, chưa tương xứng với nhu cầu và tiềm năng thực tế của địa phương so với trên 10.000 doanh nghiệp, gần 300 Hợp tác xã, 58 làng nghề, làng nghề truyền thống và hàng vạn hộ kinh doanh cá thể, đặc biệt tỉnh Hưng Yên có trên 1.800 di tích trong đó: 02 khu di tích cấp quốc gia đặc biệt, 165 di tích và cụm di tích cấp quốc gia, 214 di tích và cụm di tích cấp tỉnh. Với tiềm năng như trên, tuy nhiên hoạt động khai thác tài sản trí tuệ trên địa bàn vẫn chỉ mang tính tự phát và hạn chế. Tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang diễn ra có chiều hướng gia tăng, sự phối kết hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế.

Trong thời gian qua tỉnh Hưng Yên đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho Khoa học Công nghệ và sở hữu trí tuệ trong đó Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2017-2020, tập trung đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ; Bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù của địa phương; triển khai các hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hoạt động trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; Tổ chức trưng bày giới thiệu sản phẩm, tổ chức các cuộc hội thảo tìm giải pháp phát triển sản phẩm, lắp đặt các biển quảng cáo tấm lớn ngoài trời để giới thiệu sản phẩm mang địa danh đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3.2. Những kết quả đạt được

a) Công tác xây dựng, cụ thể hóa các chính sách về SHTT

Tỉnh Hưng Yên bước đầu đã có cơ chế, chính sách đặc thù về hỗ trợ, phát triển TSTT, cụ thể như: Nghị quyết số 295/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 13/06/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án hỗ trợ thanh niên Hưng Yên sáng tạo, khởi nghiệp giai đoạn 2018-2022. Sở Công Thương đang trình UBND tỉnh Đề án tiếp tục phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm

2030. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

a) *Công tác quản lý nhà nước về SHTT*

Công tác quản lý nhà nước về SHTT đã và đang tập trung thực hiện các nội dung: Tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp, hướng dẫn nghiệp vụ sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức và cá nhân. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về sở hữu công nghiệp cho các cán bộ làm công tác quản lý, các tổ chức cá nhân liên quan đến việc phát triển TSTT. Thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp; Triển khai các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo tại địa phương; Bên cạnh đó, các thủ tục hành chính về SHTT cơ bản được đơn giản hóa, công khai, minh bạch và thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Triển khai thực hiện Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh về tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đã tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, các địa phương; tăng cường công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, du lịch; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thể mạnh như: Nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, làng nghề, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm,...phổ biến, triển khai thực hiện Thông tư số 02/2019/TT-BVHTTDL ngày 05/7/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Quy định quy trình giám định tư pháp về quyền tác giả, quyền liên quan. Tham mưu UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Kế hoạch tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Đồng thời triển khai Kế hoạch cho toàn thể cán bộ, công chức làm nhiệm vụ liên quan và phòng Văn hóa-Thông tin các huyện, thành phố trong tỉnh để phổ biến cho các tổ chức, công dân; trực tiếp phổ biến cho các tác giả có liên quan đến hoạt động này.

b) *Hoạt động thực thi quyền SHTT*

Hoạt động thực thi quyền SHTT bước đầu có sự phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền SHTT. Công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT đã từng bước được tăng cường. Đồng thời, đã tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về SHTT; Nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về SHTT. Nhìn chung trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra, nhưng với hình thức, quy mô nhỏ lẻ, phạm vi hẹp.

Các cơ quan tỉnh Hưng Yên đã xử lý hàng chục vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, nộp ngân sách nhà nước hàng trăm triệu đồng, điển hình như Công an tỉnh xử lý vụ: Công ty TNHH Công nghiệp thực phẩm quốc tế có hành vi sản xuất bia tươi, bia hơi sau đó đóng vào các loại keg có mang nhãn hiệu bia Dragon Hà Nội, bia tươi Hà Nội Dragon, Special Hanoi Beer, Bia hơi Việt Á để bán ra thị trường. Hành vi đã xâm phạm thương hiệu của Công ty cổ phần bia rượu, nước giải khát Hà Nội. Tổng khối lượng sản phẩm vi phạm là 70.939 kg bia thành phẩm. Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) và buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên sản phẩm.

c) *Hoạt động thúc đẩy tạo lập, phát triển TSTT*

Các hoạt động hỗ trợ để tạo lập, phát triển TSTT trên địa bàn tỉnh đã được triển khai, tập trung hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân kinh doanh tạo dựng và bước đầu khai thác các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình; Hỗ trợ đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu hàng hóa; tuyên truyền, tập huấn, tư vấn và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện để xác lập, bảo hộ quyền SHTT cho các sản phẩm, hàng hóa.

Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, số đơn yêu cầu cấp giấy đăng ký nhãn hiệu và số bằng được cấp tăng nhanh. Cụ thể: trên cả nước năm 2011 có 22.357 đơn yêu cầu cấp giấy đăng ký nhãn hiệu; 12.323 nhãn hiệu được cấp bằng thì năm 2019 có 43.563 đơn yêu cầu cấp giấy đăng ký nhãn hiệu tăng 194%; 22.265 nhãn hiệu được cấp bằng tăng 180%. Tại Hưng Yên, năm 2011 có 194 đơn yêu cầu cấp giấy đăng ký nhãn hiệu; 114 Nhãn hiệu được cấp thì năm 2019 đơn yêu cầu cấp giấy đăng ký nhãn hiệu là 523, tăng 269%; Số bằng được cấp là 340 tăng 298%. Tổng giai đoạn 2011-2019, Hưng Yên đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố có số lượng đơn đăng ký về sở hữu công nghiệp nhiều nhất, đứng thứ 9 về số đơn đăng ký sáng chế và nhãn hiệu; top 10 tỉnh/thành phố có số lượng văn bằng được cấp về sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp nhiều nhất. Giai đoạn năm 2006-2019, có 11 giống lúa được cấp bằng bảo hộ.

Cụ thể hóa thực hiện Chương trình phát triển TSTT tại Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 do Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 13/06/2017 của Ủy ban nhân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2017-2020. Kết quả cụ thể như sau:

- Tập huấn kiến thức về SHTT, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về TSTT: từ năm 2017-2019, tổ chức được 30 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về SHTT cho gần 1.800 lượt cán bộ các phòng ban thuộc UBND các huyện, thành phố, chủ nhiệm các hợp tác xã và Nhân dân trên địa bàn tham dự. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hỗ trợ xây dựng các biển quảng cáo tấm lớn ngoài trời cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù của các địa phương.

- Hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển TSTT cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực của địa phương. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của

địa phương: Năm 2011, tỉnh mới có hai sản phẩm được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ là nhãn hiệu tập thể nhãn lồng và nhãn hiệu tập thể tương Bần. Đến nay, Tỉnh Hưng Yên đã và đang xây dựng thương hiệu và bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 26 sản phẩm đặc thù, nổi tiếng. Các sản phẩm được bảo hộ là các sản phẩm thuộc các lĩnh vực như sản phẩm nông sản đặc thù của tỉnh như: Nhãn lồng, Tương Bần, Quất cảnh Văn Giang, Chuôi tiêu hồng Khoái Châu, gà Đông Tảo, Vải lai chín sớm Phù Cừ, Mật ong hoa nhãn, Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, vải trứng Hưng Yên, Hoa cây cảnh Xuân Quan, nấm Nam Hàn - Phù Ứng, Ân Thi; các sản phẩm thuộc lĩnh vực chế biến như: rượu Lạc Đạo, rượu Trương Xá; sản phẩm từ ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống lâu đời của địa phương như: Chạm bạc Huệ Lai, Đúc đồng Lộng Thượng và một số sản phẩm đang tiếp tục được hỗ trợ đăng ký bảo hộ như: Nếp thơm Hưng Yên, Bánh tẻ Phụng Công, Cam Hưng Yên, Long nhãn Hưng Yên, Mộc Hòa Phong, mộc Đại Tập, mộc Thụy Lâm...

Thời gian qua, các hoạt động hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển TSTT cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực của địa phương thu hút được sự tham gia phối hợp tích cực từ các sở, ngành liên quan, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã góp thúc đẩy hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh phát triển.

Ngày 02/10 vừa qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã long trọng tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2017-2020 và công bố quyết định cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu cho sản phẩm tiêu biểu của tỉnh. Hội nghị có sự tham dự của đồng chí Nguyễn Hoàng Giang - Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng chí Nguyễn Văn Phóng - Chủ tịch UBND tỉnh, đồng chí Nguyễn Duy Hưng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng KHCN tỉnh, cùng các đồng chí lãnh đạo các vụ, cục của Bộ Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và phóng viên cơ quan báo chí trung ương và của tỉnh. Hội nghị đã nhận được sự đánh giá rất cao từ các đồng chí lãnh đạo và đại biểu, đem lại hiệu ứng tích cực để tuyên truyền, quảng bá cho các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh.

Các sản phẩm được công nhận nhãn hiệu cộng đồng (*nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý*) vốn đã là các sản phẩm nổi tiếng, đặc thù của các địa phương. Khi chưa được bảo hộ, các sản phẩm đã được người tiêu dùng biết đến. Nhưng sau khi được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận, được các tổ chức truyền thông tuyên truyền trên nhiều các phương tiện thông tin đại chúng thì các sản phẩm này được khách hàng trong và ngoài nước biết đến nhiều hơn, hoạt động sản xuất kinh doanh của các sản phẩm sôi nổi hơn để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Cũng từ khi được công nhận nhãn hiệu cộng đồng, chất lượng sản phẩm được sản xuất ra ngày càng tăng do các hộ thành viên tham gia sản xuất phải tuân thủ chặt chẽ quy chế, quy định và tiêu chuẩn sản phẩm đề ra. Không thể phủ nhận, từ khi có nhãn hiệu cộng đồng, hoạt động của các cơ sở sản xuất sôi động hơn, số lượng sản phẩm tăng lên, chất lượng sản phẩm cao hơn, nâng cao thu nhập cho người dân, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển TSTT: việc triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển TSTT chủ yếu tập trung vào trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các hội nghị, hội thảo, chuyên mục truyền hình, tổ chức chuỗi sự kiện thường niên xúc tiến thương mại nhãn lồng và các nông sản của tỉnh. Các sản phẩm được bảo hộ và trong quá trình xác lập quyền SHTT đều được hỗ trợ thiết kế bao bì, nhãn mác, hỗ trợ xây dựng cơ chế quản lý NHHT, xây dựng các tài liệu kỹ thuật sản xuất nhằm duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa được bảo hộ nhãn hiệu. Hỗ trợ tham gia các hội chợ, các triển lãm, trưng bày nhằm quảng bá sản phẩm và từng bước xác lập các kênh tiêu thụ, kết nối thương mại. Cụ thể, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ xây dựng, lắp đặt 16 biển hiệu quảng cáo ngoài trời để tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh, trên 50 cuộc tập huấn về SHTT với trên 2.500 lượt người tham dự; biên tập và phát hành trên 3000 cuốn sổ tay hướng dẫn sử dụng nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và sáng chế; hỗ trợ cấp trên 20.000 tem nhãn, bao gói đựng sản phẩm; tổ chức tham gia gần 20 hội trợ techmart công nghệ. Từ năm 2017, hàng năm, Sở Công Thương chủ trì tổ chức chuỗi các sự kiện như Lễ hội nhãn lồng, Tuần lễ cam và nông sản Hưng Yên tại Hà Nội,...thu hút đông đảo sự tham gia của người sản xuất và tiêu dùng, các cơ quan báo chí trung ương và địa phương, góp phần thúc đẩy xúc tiến thương mại các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ người nông dân ứng dụng khoa học và công nghệ, tuyển chọn, khảo nghiệm giống cây trồng mới có năng suất chất lượng cao bổ sung cơ cấu mùa vụ, hướng dẫn sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAHP và các tiêu chuẩn quốc tế, tư vấn, hỗ trợ bảo hộ giống cây trồng mới; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn người dân đăng ký bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn đều có những hoạt động thiết thực hướng dẫn, hỗ trợ hội viên đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên cơ sở khai thác và phát triển tài sản trí tuệ của tập thể và cá nhân...

- Hỗ trợ khai thác, áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc kết quả nghiên cứu, sáng tạo đã được bảo hộ, nghiệm thu hoặc đạt giải tại các cuộc thi sáng tạo vào thực tiễn: tư vấn 02 mô hình sản phẩm được cấp văn bằng bảo hộ giải pháp hữu ích.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo: Xây dựng chuyên mục về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hưng Yên, năm 2019-2020 phát sóng 14 số.

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng thực hiện chuyên đề, phóng sự về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phổ biến, tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, tập trung vào những mô hình, điển hình khai thác và phát triển các tài sản trí tuệ đạt hiệu quả cao.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Tỉnh đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh và các hội, đoàn thể, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tổ chức cuộc thi ý

tưởng khởi nghiệp của tỉnh nhằm vinh danh các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp tiêu biểu và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trao tặng bằng khen cho các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn, gặp gỡ, đối thoại, triển lãm các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, cao đẳng, hiệp hội doanh nghiệp, các câu lạc bộ khởi nghiệp. Đặc biệt, UBND tỉnh phối hợp với Trường Đại học Thủy lợi đã tổ chức thành công Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học công nghệ các trường đại học kỹ thuật lần thứ 52, chủ đề “Các trường đại học kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Hưng Yên” với sự tham gia của 26 trường đại học thành viên Câu lạc bộ và đông đảo sinh viên một số trường đại học kỹ thuật trong cả nước. Tại hội thảo, bên cạnh việc tham luận các vấn đề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội, phát triển nông thôn, công nghiệp, giao thông, môi trường, công nghệ thông tin, tài sản trí tuệ và phát triển doanh nghiệp, các đại biểu cũng đã thảo luận về giải pháp, định hướng phát triển bền vững của tỉnh Hưng Yên gắn với khoa học, công nghệ; khuyến khích tổ chức đào tạo về khởi nghiệp cho sinh viên, tăng cường kết nối các nguồn lực xã hội hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp ĐMST, kết nối các cộng đồng khởi nghiệp ĐMST.

Hỗ trợ các đoàn viên, thanh niên, doanh nghiệp khởi nghiệp xây dựng 11 mô hình khởi nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Một số mô hình đem lại hiệu quả cao, như: Mô hình hợp tác xã đầu tư phát triển sản xuất thương mại nấm sạch Việt Tú; Mô hình sản xuất và phân phối thịt lợn thảo dược; Mô hình trồng quất cảnh (Bonsai) trên lọ gốm, chum gốm; Mô hình sản xuất tinh bột nghệ sạch Minh Lộc; Mô hình trồng rau sạch và cây ăn quả ngắn ngày bằng phương pháp thủy canh hồi lưu,...

đ) Hoạt động khuyến khích khai thác TSTT

Bước đầu, hoạt động khuyến khích khai thác TSTT chủ yếu tập trung vào công tác: hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng công cụ SHTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp về tầm quan trọng của việc khai thác quyền SHTT đối với quá trình sản xuất, kinh doanh, cụ thể như:

- Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" (Đề án 844), UBND tỉnh đã có Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 và kế hoạch hàng năm, nhằm triển khai, cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung của Đề án 844 phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của tỉnh, gồm: Tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo trong học sinh, sinh viên, thi sáng kiến cải cách hành chính; hội thảo các trường đại học về đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bố trí các địa điểm tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức và tham gia các sự kiện khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo; xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích hình thành và sử dụng các quỹ nhằm hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Bước đầu đã tuyên truyền về việc khai thác, phân tích thông tin sáng chế, các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam, quyền tác giả, quyền liên quan đã hết thời hạn bảo hộ hoặc thuộc về Nhà nước; từng bước hỗ trợ doanh nghiệp tham gia mạng lưới chuyên gia công nghệ và SHTT với các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác TSTT (tổ chức cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia trưng bày, quảng bá sản phẩm tại các chợ công nghệ Techmart, thiết bị quốc tế, quốc gia, vùng, các hội chợ xúc tiến thương mại, đầu tư,...).

- Đã có những giải pháp (kế hoạch, đề án) để bảo vệ nguồn gen động vật, thực vật (nghiên cứu điều tra cây dược liệu, nghiên cứu phát huy một số bài thuốc y học cổ truyền,...), bảo hộ giống cây trồng mới; khai thác phát huy các tri thức truyền thống trong lĩnh vực y học cổ truyền, ẩm thực, làng nghề...; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh (các dự án, đề tài, đề án nghiên cứu phong tục, tập quán, các di sản văn hóa dân gian, khai thác giá trị của di tích lịch sử - văn hóa phục vụ du lịch...).

d) Hoạt động hỗ trợ về SHTT

Trong thời gian qua, một số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã được hỗ trợ các hoạt động, như: tra cứu thông tin về các tình trạng bảo hộ văn bằng SHTT; tư vấn về đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với nhãn hiệu hàng hóa...

Các hội, hợp tác xã, đoàn thể và địa phương đã từng bước giữ vai trò quan trọng trong việc xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT. Đặc biệt những chủ sở hữu nhãn hiệu đã tích cực đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động để tư vấn, hỗ trợ và mở rộng trao quyền sử dụng nhãn hiệu cho các hội viên, các tổ chức, cá nhân để phát huy hiệu quả các nhãn hiệu đã được bảo hộ (ví dụ: Hội chăn nuôi và kinh doanh Gà Đông Tảo, Hội nhãn lồng, Hợp tác xã chạm bạc Huệ Lai...).

g) Công tác phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động SHTT

Hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua chủ yếu do các cơ quan quản lý nhà nước với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện, chưa thu hút nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động phát triển TSTT. Vẫn chủ yếu hợp tác với một số đơn vị tư vấn về sở hữu trí tuệ để thực hiện các chương trình, dự án SHTT. Chưa có cơ sở đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, chưa thành lập được tổ chức tư vấn, hỗ trợ về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh. Các tổ chức khoa học và công nghệ chưa có nhân lực về SHTT nên chưa phát huy được chức năng, nhiệm vụ thúc đẩy hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh.

h) Hình thành văn hóa SHTT trong xã hội

Hiện nay, người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh đã có nhận thức về việc tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đã bước đầu nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xác lập, bảo hộ, khai thác quyền SHTT. Hoạt động triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đạt được nhiều thành tựu. Với sự vào cuộc tích cực của hệ thống ngành Tuyên giáo từ tỉnh đến cơ sở, nhận thức của cán bộ, đảng viên và đại bộ phận người tiêu dùng đã chuyển biến rõ rệt, việc mua sắm, sử dụng hàng Việt Nam đã từng bước trở thành nhu cầu của đa số người tiêu dùng và các hộ gia đình trong tỉnh; nâng cao được ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp, nhà sản xuất, nhà phân phối, đại lý bán lẻ đối với người tiêu dùng, nâng cao hiệu quả, chất lượng sản xuất kinh doanh, sản phẩm không chỉ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng nội địa mà còn hướng đến đáp ứng được các yêu cầu của hàng hóa xuất khẩu.

i) Hợp tác và hội nhập quốc tế về SHTT

Trong thời gian qua, các cấp ủy đảng, chính quyền và các sở, ngành, địa phương, một số doanh nghiệp đã tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại để chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, quảng bá các sản phẩm của tỉnh ra nước ngoài (*Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, nhãn lồng, Cam Hưng Yên, Vải lai chín sớm...*), như: ngày 13/8/2020, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh Hưng Yên, tỉnh Sơn La cùng một số cơ quan, tổ chức xúc tiến thương mại trong và ngoài nước tổ chức “Hội nghị giao thương trực tuyến quốc tế sản phẩm nhãn Việt Nam 2020”. Tỉnh đang đẩy mạnh kết nối, phối hợp với cơ quan tham tán thương mại Việt Nam tại nước ngoài lựa chọn, tham gia một số sự kiện xúc tiến thương mại tiêu thụ nông sản quốc tế để kết nối, tìm kiếm thị trường mới đặc biệt là các quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, ASEAN... Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX của tỉnh thực hiện các chương trình marketing, tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại quốc tế, thực hiện các thủ tục có liên quan đến xuất khẩu rau quả để kết nối đẩy mạnh xuất khẩu nhãn và nông sản của tỉnh, đặc biệt là với các thị trường có tiềm năng và tương đồng về văn hóa, tiêu dùng với Việt Nam như Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

3.3. Những hạn chế

Về cơ chế, chính sách: Tỉnh Hưng Yên bước đầu đã có một số cơ chế, chính sách đặc thù về hỗ trợ, phát triển TSTT, tuy nhiên, hiệu quả khuyến khích đông đảo các tầng lớp Nhân dân đăng ký bảo hộ SHTT, hỗ trợ phát triển, khai thác TSTT cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản, làng nghề vẫn chưa thực sự mạnh mẽ. Ngoài ra, cơ chế thúc đẩy khai thác TSTT được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa thực sự đủ mạnh. Cụ thể như: Chưa có kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án cấp tỉnh được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc sáng chế, giải pháp hữu ích; cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách tỉnh trong Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2017-2020 chưa thực sự khả thi, nên chưa có cá nhân được hỗ trợ; chưa cụ thể hóa Thông tư số 03/2019/TT-BTC

ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến...

Trong công tác quản lý nhà nước về SHTT: các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về SHTT cấp tỉnh (như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Quản lý thị trường tỉnh...) hiện nay thực hiện chức năng nhiệm vụ một cách độc lập, chưa có sự phối hợp liên ngành. Việc hỗ trợ khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu về SHTT; tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng, ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT chưa được quan tâm thực hiện, chưa có cơ sở dữ liệu về SHTT của tỉnh, chưa khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu của quốc gia về SHTT, chưa có sự kết nối đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước về SHTT tại địa phương.

Hoạt động quản lý về sở hữu trí tuệ của cấp huyện còn khá mờ nhạt, chưa tổ chức được nhiều hoạt động thanh tra, kiểm tra về SHTT, vẫn chủ yếu là phối hợp triển khai với các sở, ban, ngành tỉnh. Chưa có hoạt động tư vấn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Trong hoạt động thực thi quyền SHTT: công tác kiểm tra, thanh tra nhà nước về sở hữu trí tuệ còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa có sự phối kết hợp của các cơ quan liên quan; hành vi xâm phạm quyền SHTT trong môi trường kỹ thuật số chưa được phát hiện và xử lý; các tranh chấp về SHTT chưa được giải quyết bằng hình thức trọng tài, hòa giải; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chưa thực sự chủ động tự bảo vệ quyền SHTT của mình; chưa có hoạt động hỗ trợ tư pháp về SHTT cũng như đội ngũ giám định viên SHTT trên địa bàn tỉnh; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới, bản quyền tác giả và quyền liên quan còn rất hạn chế.

Trong công tác hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động tạo ra TSTT: Tỉnh chưa có cơ chế khuyến khích các cá nhân tham gia vào quá trình nghiên cứu đổi mới công nghệ, chọn tạo giống cây trồng và sáng tạo văn hóa; chưa có sự hỗ trợ nhằm ươm tạo các TSTT từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển TSTT đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Trong hoạt động khuyến khích khai thác TSTT: Tỉnh chưa có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ có mức độ sử dụng TSTT cao; chưa có chính sách hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bảo hộ và khai thác quyền SHTT ở nước ngoài. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh cũng chưa thực sự quan tâm khai thác các sáng chế, các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ phục vụ cho việc đổi mới công nghệ vào sản xuất của doanh nghiệp. Việc khai thác TSTT đối với các chỉ dẫn địa lý của tỉnh chưa được thực hiện một cách có hiệu quả. Việc khai thác nguồn gen, trí thức bản địa, văn hóa dân gian từ khía cạnh SHTT nhằm phát triển kinh tế chưa thực sự được quan tâm.

Trong công tác phát triển các hoạt động hỗ trợ về SHTT: trên địa bàn tỉnh chưa có các tổ chức cung cấp dịch vụ về SHTT, do vậy các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh chưa có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ về SHTT (các tổ chức cung cấp dịch vụ chủ yếu ở các thành phố lớn, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...). Các hội, hiệp hội ngành nghề, các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh hoạt động chưa thực sự hiệu quả, đôi khi còn lúng túng trong việc khai thác, phát triển các TSTT đã được bảo hộ. Có tổ chức sau khi bảo hộ TSTT còn quên không làm thủ tục gia hạn như: Làng nghề hương xạ Cao Thôn, TP. Hưng Yên. Hoạt động định giá TSTT chưa được thực hiện.

Về nguồn nhân lực cho hoạt động SHTT: Chưa có cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ, chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, năng lực của đội ngũ quản lý nhà nước chưa đồng đều, chưa theo kịp sự phát triển của KHCN (nhân tố quan trọng dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng trong việc bảo hộ các sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới...). Đặc biệt là nhân lực quản lý lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan, giống cây trồng và hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện vẫn chủ yếu là hoạt động kiêm nhiệm. Chưa được đào tạo chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ, kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực không nhiều, nhất là việc xử lý những hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương.

Về văn hóa SHTT trong xã hội: việc vi phạm quyền SHTT vẫn diễn ra khá phổ biến, người tiêu dùng vẫn lựa chọn các sản phẩm là hàng vi phạm quyền SHTT do giá cả cạnh tranh, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT trong phát triển sản phẩm, về lâu dài gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Đặc biệt hiện nay chưa có các chương trình giáo dục phù hợp nhằm hình thành văn hóa SHTT trong xã hội.

Trong hợp tác và hội nhập quốc tế về SHTT: Tỉnh chưa có sự hỗ trợ hữu hiệu cho việc thúc đẩy, bảo hộ, quảng bá quyền SHTT ở nước ngoài, do vậy tiềm ẩn nhiều rủi ro do vi phạm quyền SHTT ở nước ngoài đối với các sản phẩm của các doanh nghiệp của tỉnh.

3.4. Nguyên nhân của những hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- SHTT là lĩnh vực mới, trừu tượng, vai trò của SHTT chỉ được thể hiện rõ trong nền kinh tế quy mô hàng hóa và các quan hệ thương mại lớn, bền vững; lợi ích mang lại của bảo hộ và phát triển SHTT không thể hiện trực tiếp và nhanh chóng.

- Trong thời gian qua, chưa có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền mang tính đồng bộ, dưới luật các lĩnh vực của SHTT (quyền sở hữu công nghiệp; quyền tác giả; quyền đối với giống cây). Do vậy, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan vẫn còn rời rạc và tương đối độc lập mà chưa có sự liên kết phối hợp chặt chẽ.

- Tỉnh ta còn nhiều khó khăn và các mục tiêu ưu tiên khác như xây dựng nông thôn mới, nên chưa có đủ tiềm lực về kinh tế để đầu tư cho việc phát triển

mạnh mẽ TSTT.

- Thủ tục đăng ký bảo hộ các đối tượng SHTT theo quy định còn phức tạp và mất nhiều thời gian, đặc biệt là đối với sáng chế và giải pháp hữu ích.

- Phát hiện và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đòi hỏi chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tiễn cao, đặc biệt đối với lĩnh vực sáng chế, giải pháp hữu ích, quyền tác giả và quyền liên quan.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Các cấp, các ngành, doanh nghiệp chưa nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò và tiềm năng của SHTT trong hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh, trong việc nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp một cách bền vững.

- Sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước và doanh nghiệp cho hoạt động SHTT vẫn còn hạn chế.

- Đội ngũ nhân lực làm công tác SHTT còn thiếu và yếu. Công tác quản lý, hỗ trợ về SHTT mới dừng ở phạm vi cấp tỉnh, chưa triển khai được nhiều ở cơ sở.

- Phong trào sáng kiến chưa phát triển mạnh mẽ, bên cạnh đó chưa có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ các sáng kiến có hiệu quả để ứng dụng và phát triển thành sản phẩm.

- Cơ chế, chính sách về sở hữu trí tuệ còn có bất cập, hạn chế, cần thường xuyên được rà soát, bổ sung cho phù hợp thực tiễn. Đặc biệt khi Việt Nam tham gia ngày càng sâu, rộng hơn vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của khu vực và thế giới.

3.5. Kết quả hoạt động của nhiệm vụ xây dựng dự thảo đề án

Tổng hợp kết quả và sản phẩm

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
I	Khảo sát nghiên cứu, đánh giá về thực trạng		
1	Báo cáo kết quả điều tra khảo sát	Báo cáo	01
II	Nội dung báo cáo chuyên đề		
1	Báo cáo chuyên đề về kinh nghiệm hoạt động SHTT	Báo	01

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
	trên thế giới và bài học ở một số quốc gia	cáo	
2	Báo cáo chuyên đề về mô hình hoạt động về SHTT ở Việt Nam	Báo cáo	01
3	Báo cáo chuyên đề về mô về thực trạng hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Báo cáo	01
4	Dự thảo đề án lần	Dự thảo	01
5	Báo cáo tổng kết	Báo cáo	01

PHẦN IV. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Góp phần triển khai hiệu quả Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 được phê duyệt theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Phát triển hệ thống SHTT đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền SHTT, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tiến tới hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa SHTT trở thành công cụ thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế của cá nhân, tổ chức tăng trung bình 5%-10%/năm;
- Có từ 5% đến 10% doanh nghiệp, hợp tác xã, hội, hiệp hội, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho kiểu dáng công nghiệp;
- Có thêm từ 1 đến 2 sản phẩm được cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý;
- Nhận hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận mang tên địa danh: có từ 10 đến 15 sản phẩm được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- Có từ 10% đến 15% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tư vấn quản trị, xây dựng thương hiệu;
- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 5%-10%/năm;
- Quyền tác giả, quyền liên quan: Số lượng đơn đăng ký tăng trung bình 5%-10%/năm;
- Các dự án về xây dựng mô hình quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, trường được triển khai từ 1 đến 2 mô hình;
- Các dự án sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong việc khai thác giá trị nhân văn truyền thống, bảo tồn nguồn gen, du lịch...được triển khai thực hiện từ 1 đến 2 mô hình;
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo. Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ cho khoảng 1000 lượt người/năm;

- Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong nước, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho 40% sản phẩm được công nhận là sản phẩm chủ lực của tỉnh và sản phẩm OCOP;

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho ít nhất một chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu chứng nhận đã được bảo hộ đối với các sản phẩm chủ lực có tiềm năng xuất khẩu;

- Tăng cường năng lực và hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Thúc đẩy công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kỹ thuật số nhằm đảm bảo thích ứng với các điều kiện, yêu cầu khách quan của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đến năm 2030

Tỉnh Hưng Yên nằm trong nhóm 10 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước về số lượng bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích được cấp cho người nộp đơn trong nước; các chỉ số liên quan đến sở hữu trí tuệ trong chỉ số đổi mới sáng tạo được nâng cao;

- Có thêm từ 2 đến 3 sản phẩm được cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý;

- Nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể mang tên địa danh: có từ 15 đến 25 sản phẩm được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ trong nước, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho 100% sản phẩm được công nhận là sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh;

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho ít nhất 1-2 chỉ dẫn địa lý hoặc nhãn hiệu chứng nhận đã được bảo hộ đối với các sản phẩm chủ lực có tiềm năng xuất khẩu;

- Tập huấn, đào tạo nâng cao kiến thức về sở hữu trí tuệ cho 10.000 (mười nghìn) lượt người với các đối tượng liên quan trên địa bàn tỉnh tham dự;

- Các dự án về xây dựng mô hình quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, trường được triển khai từ 3 đến 5 mô hình;

- Các dự án sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong việc khai thác giá trị nhân văn truyền thống, bảo tồn nguồn gen, du lịch...được triển khai thực hiện từ 3 đến 5 mô hình.

II. Giải pháp

Dựa trên quan điểm, mục tiêu đã xác định nêu trên, để đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Đề án cần có nhóm giải pháp chính như sau:

1. Rà soát, xây dựng chính sách về SHTT

a) Kịp thời cụ thể hóa các chính sách, pháp luật về SHTT trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh. Lồng ghép chính sách, giải pháp thúc đẩy sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT trong

chính sách phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và các ngành, lĩnh vực, địa phương.

b) Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ, phát triển TSTT, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sáng tạo, bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền SHTT, đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội, ngăn chặn hiệu quả việc lạm dụng quyền SHTT.

c) Thúc đẩy khai thác TSTT được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về SHTT

a) Đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về SHTT. Xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành trong việc khai thác, phát triển và bảo vệ TSTT được bảo hộ.

b) Đơn giản hóa, hiện đại hóa, công khai, minh bạch trình tự và thủ tục hành chính về SHTT. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thủ tục hành chính trong lĩnh vực SHTT thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

c) Hỗ trợ khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu về SHTT; tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng, ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT. Xây dựng cơ sở dữ liệu về SHTT của tỉnh; tập huấn, bồi dưỡng khai thác cơ sở dữ liệu về SHTT của quốc gia, của tỉnh.

d) Hỗ trợ khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu về SHTT liên thông và kết nối đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT

a) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và với các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền SHTT. Phối hợp nghiên cứu về việc tăng cường vai trò của tòa án trong giải quyết các vụ việc về SHTT.

b) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền SHTT, đặc biệt là hành vi xâm phạm quyền SHTT trong môi trường kỹ thuật số.

c) Nâng cao hiệu quả thực hiện biện pháp kiểm soát sản xuất và lưu thông hàng hóa liên quan đến SHTT.

d) Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về SHTT; nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về SHTT.

đ) Khuyến khích giải quyết các tranh chấp về SHTT bằng hình thức trọng tài, hòa giải.

e) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền SHTT của mình. Tập huấn, trang bị kiến thức về SHTT cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

g) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ SHTT cho đội

ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền SHTT.

h) Mở rộng xã hội hóa đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tư pháp về SHTT; nghiên cứu, xây dựng đội ngũ giám định viên SHTT, đội ngũ tư vấn pháp luật về bảo vệ SHTT trên địa bàn tỉnh.

i) Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về SHTT nói chung và tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến SHTT.

4. Thúc đẩy các hoạt động tạo ra TSTT

a) Hỗ trợ hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh kết hợp với các hình thức đầu tư mạo hiểm nhằm ươm tạo các TSTT từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển TSTT đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền SHTT, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

b) Cụ thể hóa và triển khai hiệu quả cơ chế khuyến khích các cá nhân tham gia vào quá trình đổi mới công nghệ và sáng tạo văn hóa.

c) Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng.

5. Khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác TSTT

a) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia mạng lưới chuyển giao công nghệ và SHTT với các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác TSTT.

b) Tích cực hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp trong khai thác quyền SHTT, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

c) Cụ thể hóa và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ có mức độ sử dụng TSTT cao, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có uy tín và chất lượng, thúc đẩy sản xuất hàng hóa có hàm lượng SHTT cao.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng công cụ SHTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bảo hộ và khai thác quyền SHTT ở nước ngoài.

e) Tăng cường khai thác, phân tích thông tin sáng chế phục vụ cho việc lựa chọn và khai thác công nghệ phù hợp; khuyến khích sử dụng các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam nhưng phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

g) Đẩy mạnh việc khai thác, sử dụng các sản phẩm sáng tạo là đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan đã hết thời hạn bảo hộ hoặc thuộc về Nhà nước.

h) Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nguồn gen,

tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian nhằm khai thác tiềm năng sản phẩm có thể mạnh của tỉnh;

i) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khai thác có hiệu quả TSTT.

6. Phát triển các hoạt động hỗ trợ về SHTT

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trong việc khai thác các dịch vụ hỗ trợ về SHTT.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội trong hỗ trợ và triển khai hoạt động sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT. Hỗ trợ các sản phẩm thuộc Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 và 13 nhóm sản phẩm theo Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

c) Tăng cường năng lực, đầu tư cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

d) Huy động các nguồn lực xã hội vào việc phát triển hệ thống SHTT để bổ trợ cho nguồn lực của tỉnh.

7. Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động SHTT

a) Thu hút nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh, như: thuê các chuyên gia trong nước hoặc chuyên gia nước ngoài trong quá trình tư vấn các chương trình, dự án trong liên quan đến hoạt động SHTT.

b) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền SHTT trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đào tạo chuyên gia quản trị TSTT cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

d) Có chính sách ưu tiên tuyển dụng vào làm việc trong các cơ quan nhà nước của tỉnh quản lý lĩnh vực sở hữu trí tuệ đối với cá nhân tốt nghiệp chuyên ngành về sở hữu trí tuệ tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước và quốc tế.

8. Hình thành văn hóa SHTT trong xã hội

a) Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Công thông tin điện tử của tỉnh; Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh... nhằm nâng cao nhận thức về SHTT, khuyến khích đổi mới sáng tạo; xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT, hình thành

văn hóa SHTT trong xã hội.

b) Phát huy vai trò của Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh, các Hội, Hiệp hội, đoàn thể nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trong cộng đồng về SHTT, góp phần hình thành văn hóa SHTT.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về SHTT trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, nhằm từ đó tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chính sách, pháp luật quốc gia và quốc tế về SHTT đến cán bộ, nhân viên, giáo viên, học sinh, sinh viên; khuyến khích đội ngũ này tham gia vào các hoạt động liên quan đến quyền SHTT và thi hành quy định về quản lý hoạt động SHTT trong các cơ sở giáo dục.

9. Tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về SHTT

a) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về SHTT, khai thác tối đa sự hỗ trợ về mọi mặt của các cơ quan SHTT trung ương và cơ quan nước ngoài cho các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SHTT trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo hộ quyền SHTT tại nước ngoài cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh...

b) Tích cực và chủ động tham gia vào hoạt động của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực SHTT. Cử nhân lực tham gia các khóa đào tạo về SHTT tại nước ngoài theo các chương trình của Bộ KH-CN (Cục SHTT...) hoặc của tỉnh.

10. Kinh phí thực hiện Đề án từ các nguồn

- Ngân sách nhà nước:
- + Nguồn trung ương thông qua các Chương trình liên quan;
- + Nguồn địa phương cho sự nghiệp Khoa học Công nghệ và phát triển kinh tế xã hội;
- Nguồn hợp pháp khác.:
- + Đóng góp của các tổ chức, cá nhân thụ hưởng;
- + Tài trợ của các tổ chức hợp pháp trong nước và quốc tế...

11. Giải pháp về chỉ đạo thực hiện

Theo chức năng nhiệm vụ, các Sở, ban ngành liên quan, UBND các địa phương ưu tiên quan tâm coi SHTT là vấn đề then chốt trong việc phát triển Kinh tế xã hội. Quan tâm chủ động xây dựng Chương trình, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, đề xuất các giải pháp phù hợp theo nội dung đề án.

12. Một số đề xuất theo phụ lục đính kèm

PHẦN V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Nhiệm vụ được triển khai thực hiện dưới sự quản lý và giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện có sự tham gia tích cực của Phòng Quản lý chuyên ngành - Sở KH&CN tỉnh Hưng Yên, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở KH&CN, NN&PTNT, Công thương, VH&DL trong tỉnh, các Chuyên gia, đại diện các Doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

- Đề án xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát nhu cầu thực tế của nhiều đối tượng liên quan cũng như chủ chương, định hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và địa phương.

- Đề án được triển khai sẽ đáp ứng nhu cầu kịp thời cho các đối tượng liên quan trong gian đoạn 2020 – 2030 về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Nhiệm vụ đã được hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo đầy đủ nội dung và chất lượng các sản phẩm như Thuyết minh dự án được phê duyệt, cụ thể:

+ Hoạt động khảo sát, thu thập thông tin và báo cáo đã được hoàn thiện;

+ Các chuyên đề xây dựng góp phần không nhỏ cho việc hoàn thiện dự thảo đề án;

+ Dự thảo đề án đã được xây dựng lấy ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện.

2. Kiến nghị

Kính đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên xem xét phê duyệt và chỉ đạo triển khai các nội dung đề xuất của Đề án;

Kính mong Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên xem xét cho ý kiến đề đơn vị chủ trì tiếp thu, hoàn thiện!

Ngày tháng năm 2020

CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN

Ngày tháng năm 2020

**CƠ QUAN CHỦ TRÌ
GIÁM ĐỐC**

Đỗ Văn Quân

Lê Kinh Hải

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ SHTT

(Kèm theo Đề án Triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Hưng Yên)

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
I. Bộ luật, Luật			
1	50/2005/QH11	29/11/2005	Luật Sở hữu trí tuệ
2	36/2009/QH12	19/6/2009	Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi)
II. Nghị định			
1	103/2006/NĐ-CP	22/9/2006	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
2	105/2006/NĐ-CP	22/9/2006	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
3	88/2010/NĐ-CP	16/8/2010	Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng
4	119/2010/NĐ-CP	30/12/2010	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ
5	122/2010/NĐ-CP	31/12/2010	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
6	98/2011/NĐ-CP	26/10/2011	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp
7	99/2013/NĐ-CP	29/8/2013	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
			ng nghiệp
8	114/2013/NĐ-CP	03/10/2013	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật
9	131/2013/NĐ-CP	16/10/2013	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan (sửa đổi)
10	21/2015/NĐ-CP	14/02/2015	Nghị định quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác
11	28/2017/NĐ-CP	20/3/2017	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch
12	22/2018/NĐ-CP	23/02/2018	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan
III. Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo, ban hành			
1	01/2007/TT-BKHHCN	14/02/2007	Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp
2	01/2008/TT-BKHHCN	25/02/2008	Thông tư hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
3	41/2009/TT-BNNPTNT	09/7/2009	Thông tư quy định về quản lý và sử dụng mẫu giống cây trồng.
4	04/2009/TT-BKHHCN	27/3/2009	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2008/TT-BKHHCN ngày 25/02/2008

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
			hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
5	13/2010/TT-BKHCN	30/7/2010	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18/6/2009 và Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007
6	18/2011/TT-BKHCN	22/7/2011	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 31/7/2010 và Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009
7	04/2012/TT-BKHCN	13/02/2012	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011
8	07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL	19/6/2012	Thông tư liên tịch quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông
9	15/2012/TT-BVHTTDL	31/12/2012	Thông tư hướng dẫn hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan
10	05/2013/TT-BKHCN	20/02/2013	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
11	16/2013/TT-BNNPTNT	28/02/2013	Thông tư hướng dẫn về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng
12	07/2014/TT-BVHTTDL	23/7/2014	Thông tư quy định hồ sơ, các mẫu văn bản thực hiện giám định tư pháp; áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của văn phòng giám định tư pháp về di vật, cổ vật, quyền tác giả, quyền liên quan.
13	39/2014/TTLT-BKHCN-BTC	17/12/2014	Thông tư liên tịch quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách Nhà nước
14	11/2015/TT-BKHCN	26/6/2015	Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp
15	05/2016/TTLT-BKHCN-BKHĐT	05/4/2016	Thông tư liên tịch quy định chi tiết và hướng dẫn xử lý đối với trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
16	16/2016/TT-BKHCN	30/6/2016	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013
IV. Các văn bản khác có quy định liên quan đến lĩnh vực SHTT			
1	67/2006/QH11	29/6/2006	Luật Công nghệ thông tin
2	20/2008/QH12	13/11/2008	Luật Đa dạng sinh học
3	26/2008/QH12	14/11/2008	Luật Thi hành án dân sự
4	35/2009/QH12	18/6/2009	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước
5	37/2009/QH12	19/6/2009	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
			luật Hình sự
6	54/2014/QH13	23/6/2014	Luật Hải quan
7	67/2014/QH13	26/11/2014	Luật Đầu tư
8	68/2014/QH13	26/11/2014	Luật Doanh nghiệp
9	91/2015/QH13	24/11/2015	Bộ luật Dân sự
10	105/2016/QH13	6/4/2016	Luật Dược
11	03/2016/QH14	22/11/2016	Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư
12	40/2007/NĐ-CP	16/3/2007	Nghị định quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu
13	13/2012/NĐ-CP	02/3/2012	Nghị định ban hành Điều lệ Sáng kiến
14	185/2013/NĐ-CP	15/11/2013	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
15	71/2014/NĐ-CP	21/7/2014	Nghị định quy định chi tiết Luật Cảnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh
16	62/2015/NĐ-CP	18/7/2015	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự
17	78/2015/NĐ-CP	14/9/2015	Nghị định về đăng ký doanh nghiệp
18	01/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP	29/02/2008	Thông tư liên tịch hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ
19	02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP	03/4/2008	Thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại tòa án nhân dân
20	05/2010/TT-BYT	01/3/2010	Thông tư hướng dẫn bảo mật dữ liệu thử nghiệm trong đăng ký thuốc
21	05/2011/TT-BTP	16/02/2011	Thông tư hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp
22	45/2013/TT-BTC	25/4/2013	Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, sử

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
			dụng và trích khấu hao tài sản cố định
23	18/2013/TT-BKHCN	01/8/2013	Thông tư hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ
24	06/2014/TT-BTC	07/01/2014	Thông tư ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 Thẩm định giá tài sản vô hình
25	13/2015/TT-BTC	30/01/2015	Thông tư quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ
26	39/2015/TT-BTC	25/3/2015	Thông tư quy định về trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu
27	207/2016/TT-BTC	9/11/2016	Thông tư về việc quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp
28	263/2016/TT-BTC	14/11/2016	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp
29	14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN	08/6/2016	Thông tư liên tịch hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ
V	Các văn bản thuộc phạm vi điều chỉnh của địa phương		
1	2260/QĐ-UBND	19/10/2016	UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt chiến lược phát triển khoa học Công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2025;
2	Nghị quyết 06-NQ/TU	27/6/2016	Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng 2030
3	Nghị quyết số 295/2020/NQ-HĐND	10/7/2020	Quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
4	Quyết định số 817/2019/QĐ-UBND	26/3/2019	Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025
5	Quyết định số 1094/2020/QĐ-	29/4/2020	Phê duyệt Kế hoạch khoa học công nghệ năm 2020

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Tên gọi/Trích yếu
	UBND		
6	Quyết định số 726/QĐ-UBND	08/3/2019	Về việc ban hành các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Phụ lục 2

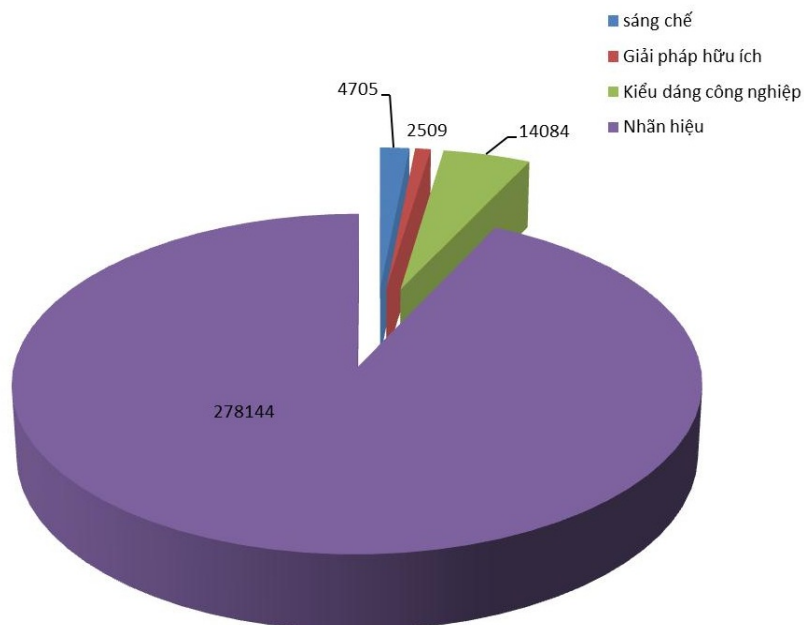
TỔNG QUAN VỀ SỐ LIỆU BẢO HỘ QUYỀN SHTT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2019

(Kèm theo Đề án Triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Hưng Yên)

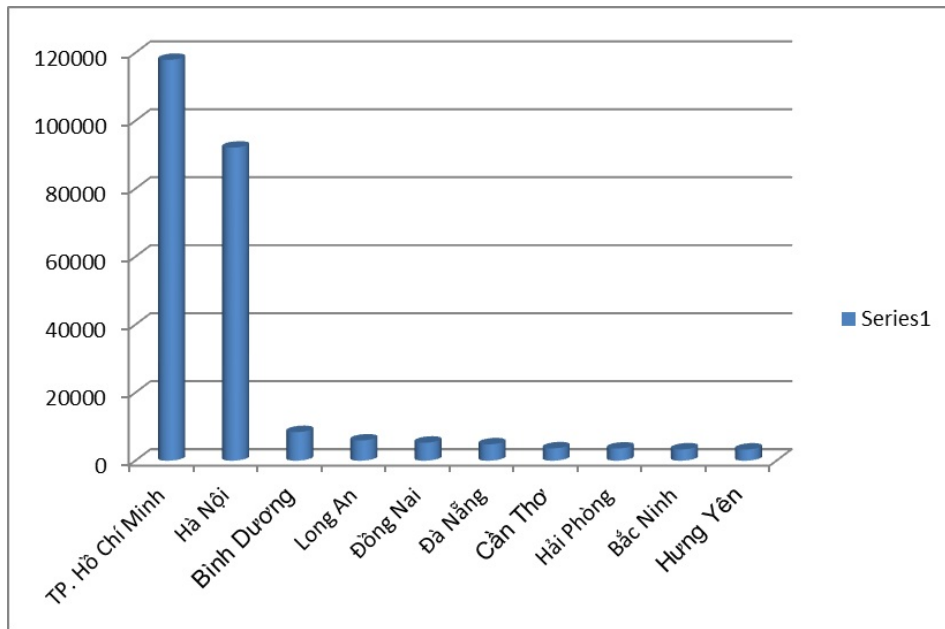
1. Sở hữu công nghiệp

Theo số liệu thống kê về tình hình nộp đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp trong những năm gần đây của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, có thể thấy rằng tốc độ tăng trưởng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của đa số các tỉnh/thành phố trong cả nước còn khá chậm, đặc biệt là đối với sáng chế, giải pháp hữu ích và kiểu dáng công nghiệp.

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận và công bố 299.442 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các đối tượng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu có chủ đơn là chủ thể Việt Nam; trong đó chủ yếu là đơn nhãn hiệu với 278.144 đơn (chiếm 92,9%), 14.084 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (chiếm 4,7%), 4.705 đơn đăng ký sáng chế (chiếm 1,57%) và giải pháp hữu ích là 2.509 đơn (chiếm 0,83%).

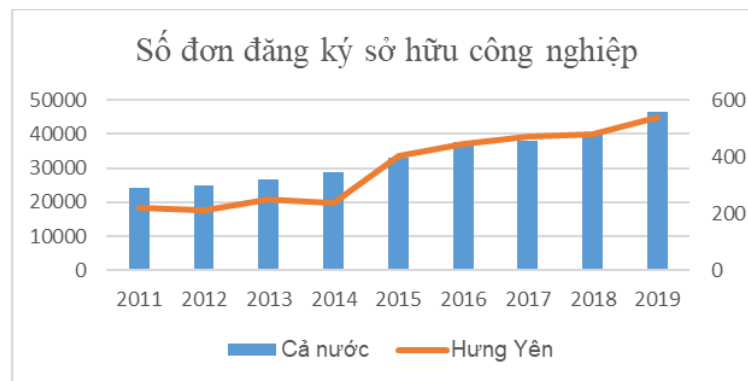


Thống kê tỷ lệ đơn đăng ký sở hữu công nghiệp toàn quốc, giai đoạn 2011 - 2019 - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)



Top 10 tỉnh có số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp nhiều nhất cả nước (giai đoạn 2011 - 2019) - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị dẫn đầu cả nước về số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp với 117.943 đơn (chiếm 39,4%), đứng thứ hai là Hà Nội với 92.110 đơn (chiếm 30,8%). Trong danh sách 10 tỉnh/thành phố có lượng đơn đăng ký các đối tượng sở hữu công nghiệp nhiều nhất, ngoài thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, tỉnh Hưng Yên xếp ở vị trí thứ 10, với 3.257 đơn đăng ký.



Thống kê số đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của Hưng Yên và toàn quốc giai đoạn 2011 - 2019 (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

Năm 2011, cả nước có 24.057 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, trong đó Hưng Yên có 218 đơn đăng ký nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ. Đến năm 2019, cả nước có 46.503 đơn đăng ký thì Hưng Yên có 541 đơn đăng ký. Thể hiện trên biểu đồ, chúng ta có thể thấy số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của Hưng Yên có sự tăng trưởng đều qua các năm, phù hợp với xu thế chung của cả nước, phản ánh sự phát triển tích cực về kinh tế xã hội của địa phương.

Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, toàn tỉnh Hưng Yên có 3.257 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ, trong đó chiếm số lượng lớn nhất là các đơn đăng ký nhãn hiệu (94.5%)

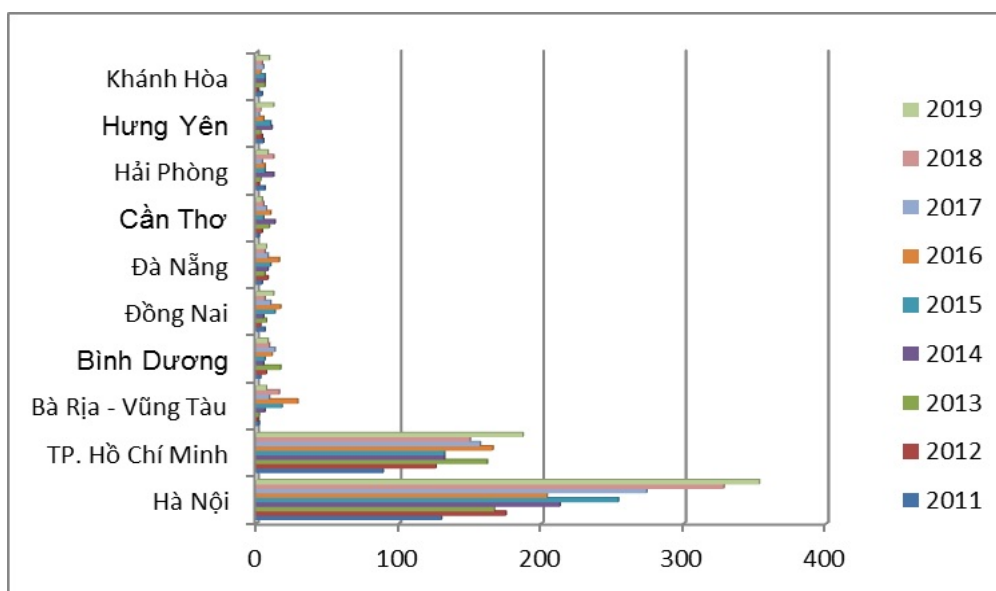
Thống kê các đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2019:

Năm	Sáng chế	GPHI	KDCN	Nhãn hiệu	Tổng
2011	5	0	19	194	218
2012	4	0	10	196	210
2013	3	1	6	238	248
2014	11	1	30	197	239
2015	10	1	18	375	404
2016	5	0	9	433	447
2017	2	0	10	457	469
2018	3	2	9	467	481
2019	12	3	3	523	541
Tổng	55	8	114	3.080	3.257

(Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

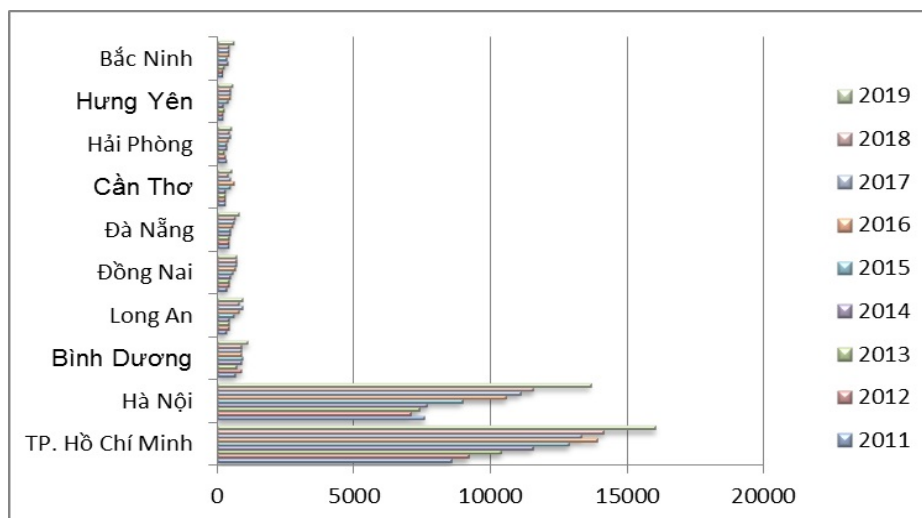
*** Sáng chế**

Về tình hình đăng ký sáng chế, giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019, Hà Nội là địa phương dẫn đầu cả nước về số lượng đơn đăng ký sáng chế với 2.098 đơn, đứng thứ hai là thành phố Hồ Chí Minh với 1.301 đơn. Hưng Yên đứng ở vị trí thứ 9, với số lượng đơn đăng ký sáng chế trong giai đoạn này là 55 đơn, số liệu này đã cho thấy xu hướng tăng đáng kể của số lượng đơn đăng ký trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, thể hiện hiệu quả của các chính sách hỗ trợ và nhận thức của người dân, doanh nghiệp.



Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có lượng đơn đăng ký sáng chế nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019 - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

*** Nhãn hiệu**



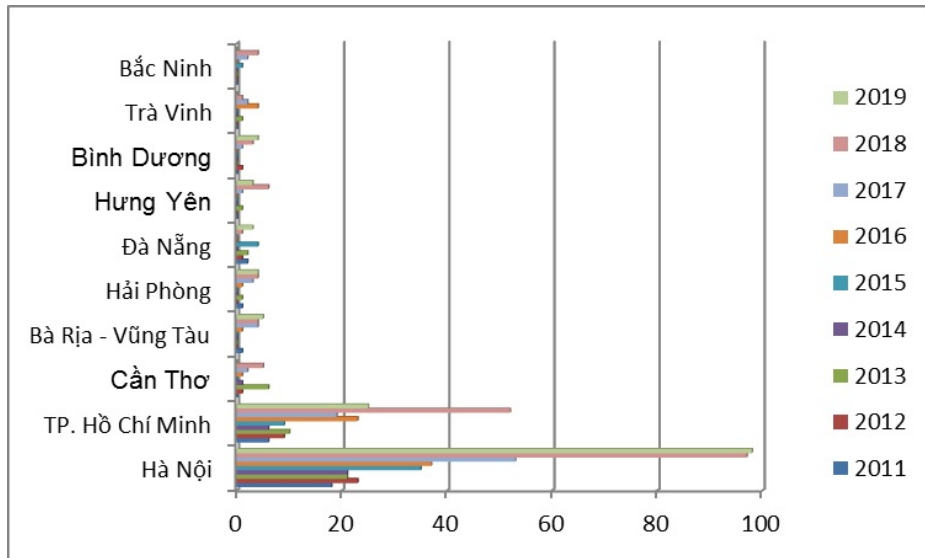
Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019 - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

Nhãn hiệu là đối tượng sở hữu công nghiệp được nộp đơn nhiều nhất, chiếm xấp xỉ 93% tổng số đơn đăng ký sở hữu công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội tiếp tục là hai địa phương dẫn đầu trong việc đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu. Tuy nhiên khoảng cách về số lượng đơn nhãn hiệu của các tỉnh/thành phố khác so với thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đã dần thu hẹp hơn so với các đối tượng sở hữu công nghiệp khác là kiểu dáng công nghiệp, sáng chế và giải pháp hữu ích trong những năm gần đây. Trong số 10

tỉnh, thành phố có số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nhiều nhất giai đoạn 2011 - 2019, Hưng Yên đứng ở vị trí thứ 9, với 3.080 đơn đăng ký

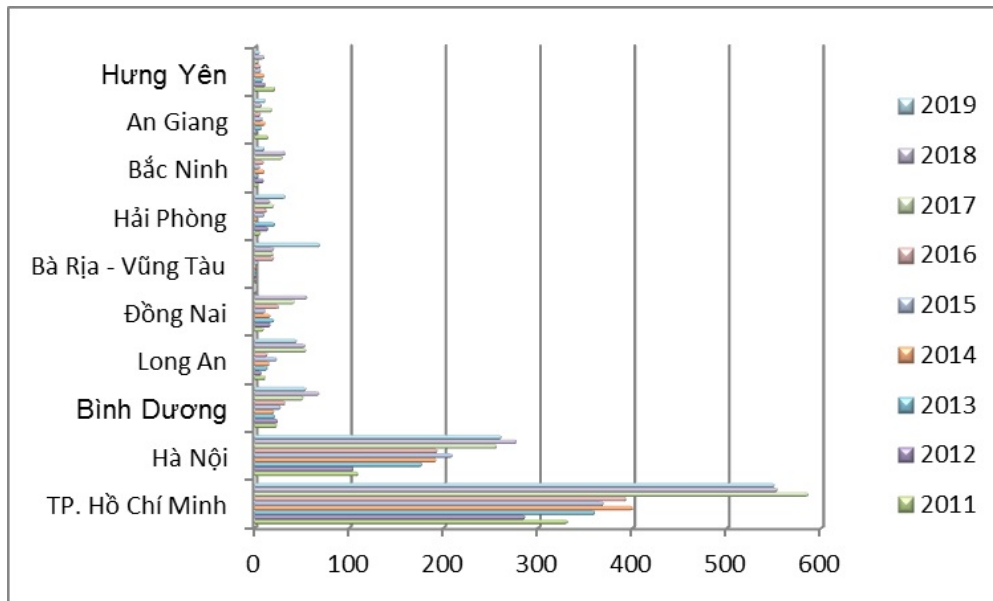
*** Số văn bằng được cấp**

- Văn bằng sáng chế và giải pháp hữu ích: Về số văn bằng đã được cấp, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng là hai địa phương có số lượng bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích nhiều nhất cả nước, với lần lượt là 910 và 406 văn bằng, chiếm khoảng 74% tổng số bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích của cả nước. Tỉnh Hưng Yên đứng thứ 7 trong các tỉnh/thành phố về số văn bằng sáng chế và giải pháp hữu ích được cấp.



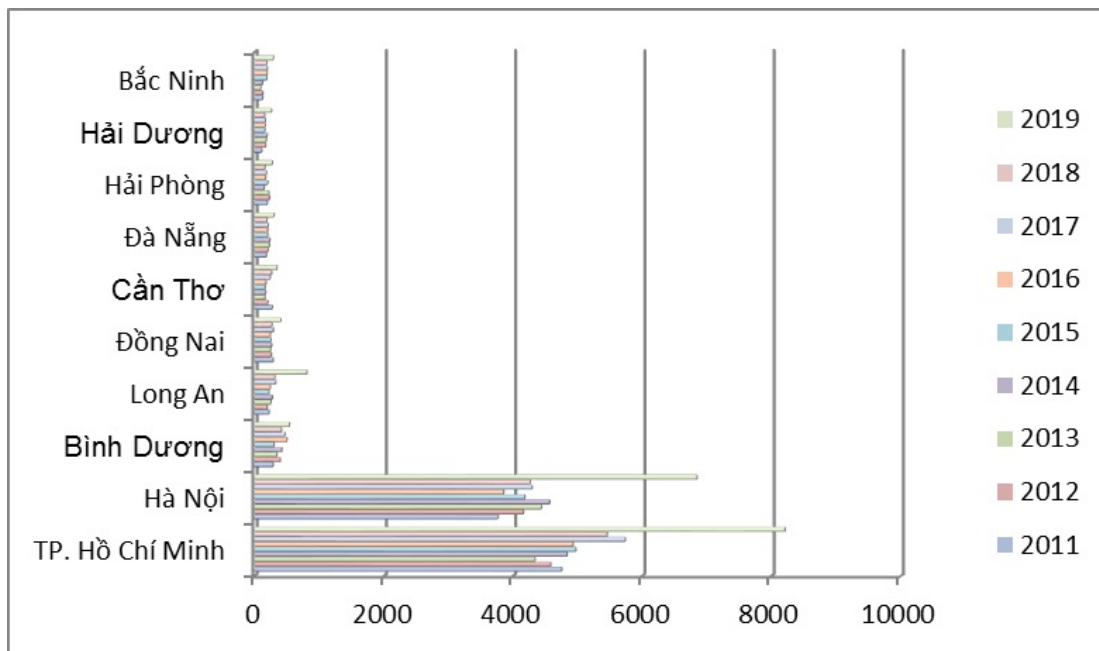
Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có số lượng bằng độc quyền sáng chế nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019 - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

Về số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp: ngoài thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, trong Top 10 tỉnh/thành phố có số lượng văn bằng nhiều nhất, Hưng Yên là tỉnh có tốc độ tăng trưởng về số lượng văn bằng khá cao trong những năm gần đây, xếp thứ 10 trong tất cả các tỉnh/thành phố.



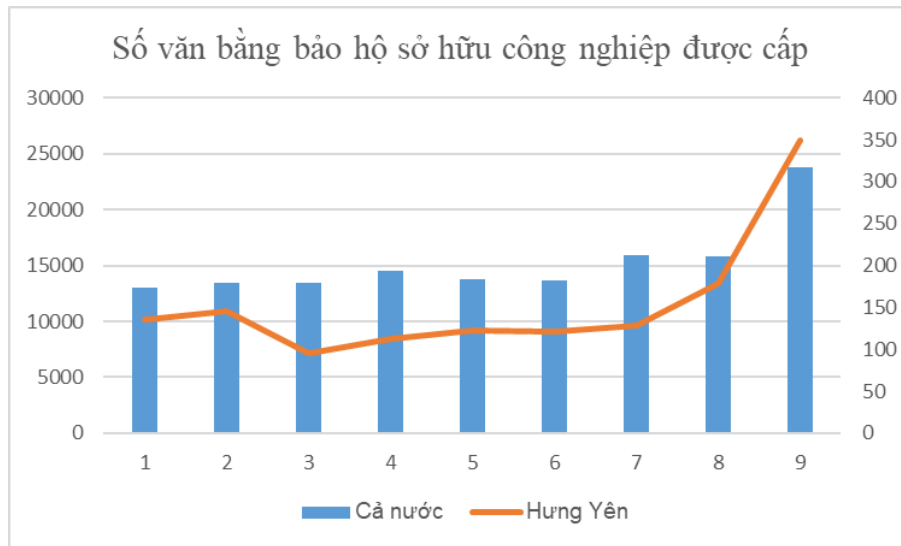
Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019 - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

- Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu: đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng nhiều nhất. Hưng Yên không nằm trong top 10 tỉnh/thành phố có số lượng văn bằng bảo hộ nhãn hiệu nhiều nhất cả nước.



Biểu đồ 10 tỉnh/thành phố có số lượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhiều nhất trong giai đoạn 2011-2019 - (Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

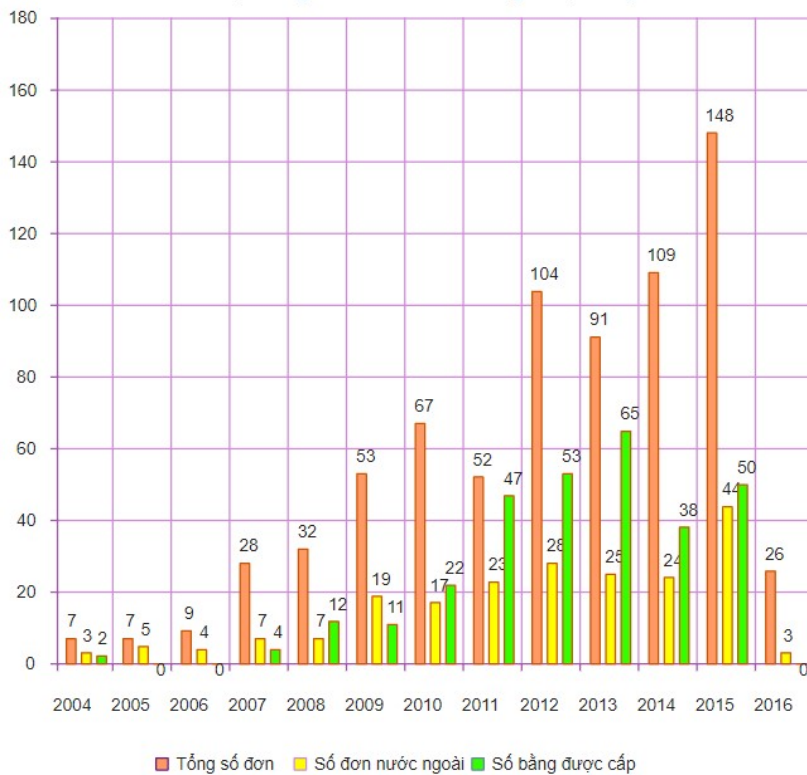
*** Số lượng văn bằng sở hữu công nghiệp của tỉnh Hưng Yên được Cục Sở hữu trí tuệ cấp trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019**



(Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ)

Tương ứng với số đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được nộp vào Cục sở hữu trí tuệ, trong giai đoạn 2011 - 2019, Hưng Yên có 1.388 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ cấp (Giấy chứng nhận), trong đó riêng năm 2019, tỉnh Hưng Yên có 349 văn bằng bảo hộ được công nhận.

2. Đăng ký bảo hộ giống cây trồng



Đồ thị thống kê số đơn/bằng bảo hộ giống cây trồng toàn quốc

Thực trạng đăng ký bảo hộ giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm 2006 tới năm 2019 khá khiêm tốn, toàn bộ 11 giống cây trồng đã nộp đơn đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ là các giống lúa

STT	Tên loài	Tên giống	Tác giả	Chủ sở hữu	Ngày đăng ký
1	Lúa	LỘC TRỜI 183	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Hưng Yên	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Hưng Yên	17/08/2018
2	Lúa	NẾP HY45	Công ty TNHH GCT Tam Thiên Mẫu Hưng Yên	Công ty TNHH GCT Tam Thiên Mẫu Hưng Yên	23/12/2016
3	Lúa	LỘC TRỜI 152 (AGPPS 152)	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Trại Sản Xuất Giống Hưng Yên	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Trại Sản Xuất Giống Hưng Yên	13/11/2015
4	Lúa	LỘC TRỜI 153	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Trại Sản Xuất Giống Hưng Yên	Công ty CP Tập Đoàn Lộc Trời - Chi nhánh Trại Sản Xuất Giống Hưng Yên	13/11/2015
5	Lúa	Nếp thơm Hưng Yên	Tập thể Sở Nông Nghiệp Và PTNT Hưng Yên	Sở Nông Nghiệp Và PTNT Hưng Yên	19/10/2012
6	Lúa	Trân châu hương	Tập thể Sở Nông Nghiệp Và PTNT Hưng Yên	Viện Cây Lương Thực Và Cây Thực Phẩm	27/09/2012
7	Lúa	HR 182	Tập thể Sở Nông Nghiệp Và PTNT Hưng Yên	Công ty Cổ Phần Giống Cây Trồng Miền Nam	14/08/2012
8	Lúa	Nam Dương 99	Tập thể Sở Nông Nghiệp Và PTNT Hưng Yên	Công ty TNHH Nam Dương	15/06/2010
9	Lúa	Kim ưu 725	Tập thể Sở Nông	Công ty Hữu	04/01/2006

STT	Tên loài	Tên giống	Tác giả	Chủ sở hữu	Ngày đăng ký
			Nghiệp Và PTNT Hưng Yên	Hạn Ngành Giống Quốc Hào, Tứ Xuyên, Trung Quốc	
10	Lúa	Nếp Cô Tiên	Công ty TNHH Nông nghiệp Nhiệt Đới	Công ty TNHH Nông nghiệp Nhiệt Đới	16/12/2011
11	Lúa	Hung Dân	Công ty TNHH Nông nghiệp Nhiệt Đới	Công ty TNHH Nông nghiệp Nhiệt Đới	07/10/2011

(Nguồn: Văn phòng bảo hộ giống cây trồng - Cục Trồng trọt - Bộ NN&PTNT, số liệu thống kê tới hết ngày 28/02/2020)

3. Đăng ký bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan

Theo số liệu thu thập tại Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cũng như số liệu tại Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan, số lượng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan trên toàn quốc được thống kê cụ thể như sau:

Số lượng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan toàn quốc (Giai đoạn 2006 – 2015):

	Số lượng GCNDK quyền tác giả	Số lượng GCNDK quyền liên quan	Số lượng GCNDK quyền tác giả và GCNDK QLQ
Năm 2006	3.142	4	3.146
Năm 2007	3.225	6	3.231
Năm 2008	4.922	9	4.922
Năm 2009	4.718	20	4.738
Năm 2010	3.747	7	3.753
Năm 2011	3.951	15	3.966
Năm 2012	4.135	13	4.148
Năm 2013	4.914	14	4.928
Năm 2014	4.930	10	4.929
Năm 2015	5.656	31	5.687
Tổng cộng	43.321	129	43.450

(Nguồn: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

*Số lượng Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan toàn quốc
(Giai đoạn 2016 - 2019)*

	Số lượng GCNĐK quyền tác giả	Số lượng GCNĐK quyền liên quan	Tổng số lượng GCNĐK quyền tác giả và GCNĐK quyền liên quan
Năm 2016	7.349	17	7.366
Năm 2017	6.570	14	6.584
Năm 2018	7.007	29	7.036
Năm 2019	7.017	33	7.050
Tổng cộng	27.943	93	28.036

(Nguồn: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Phụ lục 3

DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC, ĐẶC THÙ CỦA TỈNH ĐƯỢC BẢO HỘ SHTT

(Kèm theo Đề án Triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

phê duyệt tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Hưng Yên)

TT	TÊN SẢN PHẨM	TÌNH TRẠNG BẢO HỘ SHTT	GHI CHÚ
1	Nhãn lồng	Đã được bảo hộ	Đã được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xếp hạng 13 trong Top 50 trái cây nổi tiếng của Việt Nam (năm 2012)
2	Tương Bần		Đã được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xếp thứ nhất trong top 10 đặc sản nước chấm và gia vị ngon nổi tiếng nhất Việt Nam (năm 2012)
3	Hương Thôn Cao		
4	Quất cánh Văn Giang		
5	Chuối tiêu hồng Khoái Châu		
6	Gà Đông Tảo		
7	Vải lai chín sớm Phù Cừ		
8	Mật ong hoa nhãn Hưng Yên		
9	Chạm bạc Huệ Lai		
10	Rượu Lạc Đạo		
11	Rượu Trương Xá		
12	Cam Quảng Châu		
13	Nghệ Chí Tân - Khoái Châu		
14	Đúc đồng Lộng Thượng		
15	Hoa cây cảnh Xuân Quan		
16	Cam Đông Thanh		

17	Cam Văn Giang		
18	Nấm Nam Hàn - Phù Ứng, Ân Thi		
19	Vải trứng Hưng Yên	Đã được bảo hộ	
20	Nếp thơm Hưng Yên		
21	Bánh tẻ Phụng Công - Văn Giang		
22	Long nhãn Hưng Yên		
23	Cam Hưng Yên		
24	Mộc Hòa Phong		
25	Mộc Thụy Lâm	Đang làm thủ tục bảo hộ	
26	Mộc Đại Tập		

Phụ lục 4

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN, GIAI ĐOẠN 2021- 2025 TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Đề án Triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại

Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN DỰ TOÁN HÀNG NĂM THEO NHU CẦU THỰC TẾ

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1.	Xây dựng Mục khai thác thông tin của tỉnh Hưng Yên về SHTT (cung cấp thông tin phục vụ công tác QLNN, công tác NCKH; dịch vụ về SHTT, tích hợp vào công thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên), gồm: - Xây dựng cơ sở dữ liệu về SHTT của tỉnh; thuê chuyên gia, tư vấn, cơ sở vật chất, phần mềm, cập nhật dữ liệu,... - Tập huấn, bồi dưỡng khai thác cơ sở dữ liệu về SHTT của quốc gia, của tỉnh; hỗ trợ, tập huấn khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu về SHTT liên thông và kết nối đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước (02 lớp/năm).	Sở KH-CN	- Sở VH-TT-DL - Sở NN-PTNT - Các cơ quan có liên quan	
2.	Xây dựng Kế hoạch hoặc Chương trình hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên đến năm 2030	Sở KH-CN	- Sở VH-TT-DL - Sở NN-PTNT Các cơ quan có liên quan	Căn cứ tình hình thực tế phát sinh. Đề xuất kinh phí thực hiện.

3.	Xây dựng Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2030	Sở KH-CN	- Sở VH-TT-DL - Sở NN-PTNT Các cơ quan có liên quan	Căn cứ tình hình thực tế phát sinh. Đề xuất kinh phí thực hiện.
4	Khảo sát, đánh giá tiềm năng bảo hộ giống cây trồng. Xây dựng triển khai Chương trình hoặc dự án nâng cao năng lực hệ thống bảo hộ, quản lý và khai thác quyền đối với giống cây trồng, nguồn gen và tài sản trí tuệ trong lĩnh vực nông nghiệp, sản phẩm OCOP	Sở NN-PTNT	Các cơ quan liên quan	Căn cứ tình hình thực tế phát sinh. Đề xuất kinh phí thực hiện.
5.	Khảo sát, đánh giá tiềm năng bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan. Đề xuất, thực hiện các nhiệm vụ liên quan quyền tác giả, quyền liên quan, giá trị nhân văn tri thức truyền thống, sản phẩm du lịch (du lịch trải nghiệm, ẩm thực, sinh thái, làng nghề....) đi kèm bằng công cụ SHTT	Sở VH-TT-DL	Các cơ quan liên quan	Căn cứ tình hình thực tế phát sinh. Đề xuất kinh phí thực hiện.
6.	Triển khai các hoạt động liên quan đến thực thi quyền SHTT góp phần xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực có thể mạnh, sản phẩm OCOP của tỉnh trên thị trường	Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	Căn cứ tình hình thực tế phát sinh. Đề xuất kinh phí thực hiện.
7.	Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức phối hợp với các cơ quan nghiên cứu theo hướng tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền SHTT, như: Nghiên cứu quy trình, công nghệ, các sản phẩm, kết quả được bảo hộ... (khoảng 02 nhiệm vụ)	Sở KH-CN	Các cơ quan liên quan	Căn cứ tình hình thực tế phát sinh. Đề xuất kinh phí thực hiện.

8.	Tập huấn, trang bị kiến thức về SHTT cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hằng năm tổ chức tại các huyện: 05 lớp/năm	Sở KHCN	Các cơ quan liên quan	
9.	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ SHTT cho đội ngũ công chức làm công tác bảo vệ quyền SHTT hoặc cử đi bồi dưỡng tập huấn ngoài tỉnh. Định kỳ hằng năm tổ chức	Sở KHCN	- Sở Nội vụ - Sở VH-TT-DL - Sở NN-PTNT - Các cơ quan liên quan	
10.	Xây dựng đội ngũ giám định viên SHTT trên địa bàn tỉnh; đội ngũ tư vấn pháp luật về bảo vệ SHTT trên địa bàn tỉnh: Đào tạo, tập huấn đội ngũ giám định viên, tư vấn pháp luật.	Sở Tư pháp	- Sở Nội vụ - Các cơ quan liên quan	
11.	Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình bồi dưỡng về SHTT trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, gồm: Mua bản quyền chương trình bồi dưỡng, xây dựng chương trình bồi dưỡng cho học sinh các cấp, thuê chuyên gia,...Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ triển khai tại các cơ sở giáo dục và đào tạo: 02 lớp/năm; mở lớp bồi dưỡng về SHTT đối với HS, SV các trường: Cao đẳng, THPT, THCS trên địa bàn tỉnh,...	Sở GDĐT	- Sở KHCN - Sở LĐ-TBXH - Các cơ quan liên quan	

B. DANH MỤC NHIỆM VỤ CÓ KHÁI TOÁN TẠI ĐỀ ÁN (Dự kiến)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (ĐVT: triệu đồng)					
				Tổng	Phân bổ theo năm				
					2021	2022	2023	2024	2025
1.	<p>Dự án: Hỗ trợ hình thành Trung tâm/Khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh: Hỗ trợ, ươm tạo các TSTT từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển TSTT đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền SHTT, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Hỗ trợ cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực, mua bản quyền chương trình,..</p> <p>+ Dự kiến đặt tại 02 cơ sở: một cơ sở tại Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên và một cơ sở do Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất lựa chọn, xây dựng.</p> <p>+ Bố trí không gian, địa điểm: Sửa chữa, thiết kế lại không gian của Trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Trang bị hệ thống máy tính, mạng internet, LAN tốc độ cao phục vụ hoạt động khởi nghiệp,...</p> <p>+ Cơ sở vật chất, trang bị thiết bị văn phòng:</p>	Sở KHCN	- Sở Nội vụ; - Sở KHĐT; - Các cơ quan liên quan	3000	2200	200	200	200	200

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (ĐVT: triệu đồng)					
				Tổng	Phân bổ theo năm				
					2021	2022	2023	2024	2025
	bàn, ghế, tài liệu tham khảo,... <i>(nội dung và định mức chi hoạt động theo quy định tại Nghị quyết số 295/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST)</i>								
2	Xây dựng Kế hoạch hoặc Chương trình hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 <i>(dự toán kinh phí để xây dựng, kinh phí thực hiện được dự toán trên cơ sở thực tế)</i>	Sở KHCN	Các cơ quan liên quan	350	350				
3	Xây dựng Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2030 <i>(dự toán kinh phí để xây dựng, kinh phí thực hiện được dự toán trên cơ sở thực tế)</i>	Sở KHCN	Các cơ quan liên quan	350	350				

4	<p>Dự án: Xác lập, bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với một số sản phẩm của tỉnh</p> <p>Dự kiến xây dựng và bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với 02 Dự án x 1,5 tỷ/Dự án/năm (lựa chọn trong số các sản phẩm: Gà Đông Tảo, Vải Trúng Hưng Yên; Nếp thơm Hưng Yên;..).</p> <p><i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i></p>	Sở KHCN	Các cơ quan liên quan	3000		1500		1500	
5	<p>Tư vấn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ SHTT kiểu dáng công nghiệp sản phẩm cho 50 DN, HTX, HKD trên địa bàn tỉnh (15tr/1đơn vị x 50 DN, HTX = 750tr)</p>	Sở KHCN, Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	750	150	150	150	150	150
6	<p>Hỗ trợ tư vấn, thiết kế thương hiệu, đăng ký bảo hộ quyền SHTT cho 500 DN, HTX, HKD, sản phẩm các mô hình đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh (35tr/1đơn vị x 500 DN, HTX = 17,5tỷ) <i>(Dự toán theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)</i></p>	Sở KHCN, Sở Công Thương	Các cơ quan liên quan	17500	3500	3500	3500	3500	3500

7	<p>Hoạt động đào tạo nâng cao kiến thức về SHTT cho các đối tượng liên quan trên địa bàn tỉnh bao gồm cán bộ quản lý, công chức, viên chức và doanh nghiệp (1 tỷ/năm x 5 năm = 5 tỷ)</p> <p><i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i></p>	<p>Sở GDĐT</p> <p>Sở KH-CN</p> <p>Sở Công Thương</p> <p>Sở NNPTNT</p>	Các cơ quan liên quan	5000	1000	1000	1000	1000	1000
8	<p>Xây dựng, triển khai các dự án về sử dụng công cụ SHTT, TSTT để bảo hộ xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch, khai thác giá trị truyền thống, nhân văn bản địa, du lịch trải nghiệm, tâm linh, ẩm thực, làng nghề... có tiềm năng của tỉnh (03 dự án, mỗi dự án 1.5 tỷ x 2 = 3 tỷ).</p> <p><i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i></p>	<p>Sở KH-CN</p> <p>Sở NNPTNT</p> <p>Sở VH-TT-DL</p>	Các cơ quan liên quan	3000		1500		1500	
9	<p>Hoạt động khai thác thông tin sáng chế đưa vào ứng dụng thực tế, xây dựng mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, HTX, viện, trường đại học (02 mô hình, 1.5 tỷ/1 mô hình dự án)</p> <p><i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i></p>	<p>Sở KH-CN</p> <p>Sở GDĐT</p> <p>Sở KHĐT</p>	Các cơ quan liên quan	3000		1500		1500	

10	Thực hiện các hoạt động, truyền thông, quảng bá, xúc tiến, giới thiệu, thăm quan mô hình, học tập kinh nghiệm, vinh danh sản phẩm của tỉnh (mỗi năm 500 triệu x 5 năm = 2,5 tỷ) <i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i>	Sở KHCN; Sở Công Thương; Sở NNPTNT; Sở VH TTDL	Các cơ quan liên quan	2500	500	500	500	500	500
11	Chương trình: Hỗ trợ xác lập và phát triển NHTT, NHCN, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian... đã được bảo hộ	Sở KHCN, Sở NNPTNT, Sở VH TTDL	Các cơ quan liên quan	8000	2000	2000	2000	2000	2000
	Dự kiến hỗ trợ xác lập tối đa 10 dự án x 800 triệu/dự án. <i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i>								
	Dự kiến hỗ trợ phát triển TSTT tối đa là 05 dự án x 1 tỷ/dự án x 01 dự án/năm x 5 năm <i>(Dự toán căn cứ theo các dự án về sở hữu trí tuệ đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh)</i>	Sở KHCN, Sở NNPTNT, Sở VH TTDL	Các cơ quan liên quan	5000	1000	1000	1000	1000	1000
12	Hoạt động quản lý các nhiệm vụ, các dự án, chi khác (dự kiến khoảng 5% tổng kinh phí): chi cho hội đồng tuyển chọn, hội đồng nghiệm thu, quyết toán tiến độ...	Sở KHCN, Sở NNPTNT, Sở VH TTDL	Các cơ quan liên quan	2.500	500	500	500	500	500
Tổng kinh phí khái toán giai đoạn 2021 - 2025				53.950					